

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CÁC BỘ NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ HTĐT**
(kèm theo văn bản số /TTr-BTC ngày tháng năm 2026)

1. Căn cứ xây dựng Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 4 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Bộ Tài chính đã đăng tải dự thảo trên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến các đối tượng chịu sự tác động của Nghị định. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến đã tham gia góp ý theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

- Trong quá trình xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã có công văn số 3790/BTC-ĐTNN ngày 27/3/2026 về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024.

- Trên cơ sở các ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính tổng hợp các ý kiến và giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý như sau:

(i) Các Cơ quan có ý kiến thống nhất, không có ý kiến tham gia (02 Cơ quan): (i) Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh (văn bản số 2279/STC-KTĐN ngày 06/4/2026); (ii) Sở Tài chính Đà Nẵng (văn bản số 3633/STC-DN&ĐKKD ngày 03/4/2026);

(ii) Các đơn vị có ý kiến cụ thể:

STT	CƠ QUAN	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
-----	---------	----------------	-------------------------------

1	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2207/BKHCN-KHTC ngày 10/4/2026)	I. Ý kiến chung 1. Dự thảo Nghị định cần được rà soát để đảm bảo thể chế hóa đầy đủ, toàn diện chủ trương của Đảng, bám sát tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Việc thiết kế Nghị định cần đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các chiến lược quốc gia, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho phát triển kinh tế trong kỷ nguyên mới. 2. Việc dự thảo lược bỏ quy định hạng mục hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định tại khoản c Điều 16 và Điều 21 Nghị định số 182/2024/NĐ-CP là có cơ sở nhằm tránh hỗ trợ trùng lặp qua chi phí khấu hao và hạn chế các bất cập trong công tác quản lý cam kết sử dụng tài sản. Tuy nhiên, để đảm bảo mục tiêu là khuyến khích các Tập đoàn đa quốc gia đầu tư mở rộng thực chất, đề xuất Ban soạn thảo cân nhắc thêm về việc xây dựng các cơ chế thay thế phù hợp. II. Ý kiến góp ý cụ thể 1. Sửa lại khoản 5 Điều 2 (phần giá trị gia tăng) theo hướng chỉ trừ phí chuyển giao không thuộc danh mục công nghệ chiến lược/công nghệ cao đã được cấp Giấy chứng nhận. 2. Đối với quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 2 dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung tại khoản 6 như sau: “...trên giá trị vốn của toàn bộ sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược.” 3. Nghiên cứu, bổ sung vào khoản 1 Điều 16 nội dung “<i>Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đánh giá tính chất kỹ thuật, công nghệ chiến lược, công nghệ cao và tính hợp lệ của hợp đồng chuyển giao công nghệ trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ</i>”. 4. Nghiên cứu, rà soát bổ sung tại khoản 1 Điều 18 nội dung về “Chi phí chuyển giao công nghệ chiến lược, công nghệ cao”. 5. Đề nghị bổ sung hạng mục và đối tượng hỗ trợ chi phí của Quỹ	1. Giá trị sản xuất gia tăng tại khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định được quy định như sau là giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao là giá trị được xác định bằng giá vốn của toàn bộ sản phẩm công nghệ cao bán ra (không bao gồm phí bản quyền, phí chuyển giao công nghệ phải trả cho bên nước ngoài). Bên cạnh đó, giá trị sản xuất gia tăng được xác định dựa trên giá vốn của sản phẩm công nghệ cao, không bao gồm giá vốn của sản phẩm không thuộc danh mục công nghệ cao. 2. Cơ quan chủ trì đã hoàn thiện khoản 5, 6 Điều 2 dự thảo Nghị định. 3. Về tổ chức và quyền hạn của Cơ quan điều hành Quỹ Trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tại Điều 30 dự thảo Nghị định quy định rõ ràng cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản lấy ý kiến của các đơn vị ở cấp khác có liên quan. Do đó, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan để đánh giá các nội dung đề nghị hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp. 4. Về chi phí chuyển giao công nghệ cao Việc chuyển giao công nghệ cao được thực hiện chủ yếu từ công ty có công nghệ, thường là các công ty FDI sang cho công ty trong nước. Theo đó, việc thiết kế hạng mục hỗ trợ này sẽ không hỗ trợ được đồng đều các đối tượng, tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng giữa khu vực trong nước và khu
---	---	--	--

	cho hoạt động sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn và sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về công nghiệp công nghệ số và đầu tư. Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung dự thảo Nghị định cụ thể như sau: - Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 18 và điểm d khoản 2 Điều 18 dự thảo Nghị định: <i>“Điều 18. Hạng mục và đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí</i> <i>1. Hạng mục hỗ trợ chi phí của Quỹ bao gồm: ...</i> <i>c) Chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao; sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; ...</i> <i>2. Đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí bao gồm: ...</i> <i>d) Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao; doanh nghiệp sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; ...”.</i> - Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 19 dự thảo Nghị định như sau: <i>“b) Doanh nghiệp công nghệ chiến lược; doanh nghiệp sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm có dự án đầu tư với quy mô vốn tối thiểu 6.000 tỷ đồng ...”.</i> - Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 19 dự thảo Nghị định như sau: <i>“Trường hợp đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược; sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm thì hoàn thành giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 4.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm...”.</i> - Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 19 dự thảo Nghị định như sau: <i>“b) Đối với dự án đã đăng ký vốn đầu tư ... hoặc 6.000 tỷ đồng đối với dự án của doanh nghiệp công nghệ chiến lược; dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án sản xuất sản</i>	vực có vốn nước ngoài. 5. Về việc bổ sung đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm Nghị định về Quỹ Hỗ trợ đầu tư là quy định chi tiết Điều 16 Luật Đầu tư năm 2025, do đó Quỹ sẽ tập trung để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư. Điều 17 Luật Đầu tư 2025 về ưu đãi và hỗ trợ đặc biệt, trong đó có quy định đối tượng hưởng là doanh nghiệp sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm. Theo đó, đối tượng này sẽ được ưu đãi và thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về thuế, đất đai và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Cơ quan chủ trì chỉ tập trung vào đối tượng gắn với công nghệ cao, công nghệ chiến lược. 6. Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng nhóm doanh nghiệp có dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược và dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao thành một nhóm hưởng mức ưu đãi như nhau. 7. Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị định.
--	--	--

	<i>phẩm công nghệ số trọng điểm”.</i> <i>Đối với dự án của doanh nghiệp công nghệ chiến lược; dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, trường hợp mức điều chỉnh tăng vốn dưới 4.000 tỷ đồng thì tổng vốn đầu tư của cả dự án phải giải ngân đạt tối thiểu 4.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm ...”.</i> Lý do: Điều 28 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 17 Luật Đầu tư đã quy định dự án sản xuất sản phẩm chip bán dẫn, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm thuộc đối tượng dự án ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt. Theo đó, việc bổ sung hạng mục và đối tượng cho hoạt động sản xuất sản phẩm chip bán dẫn và sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm nhằm thực hiện các quy định của các luật. Hơn nữa, việc bổ sung các hạng mục và đối tượng cho dự án sản xuất sản phẩm chip bán dẫn, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm sẽ tạo sự nhất quán, đồng bộ trong thực thi chính sách của hệ thống pháp luật đang được áp dụng cho các doanh nghiệp bán dẫn hiện nay theo quy định của Nghị định 182/2024/NĐ-CP. 6. Đối với tiêu chí và điều kiện hỗ trợ chi phí, chúng tôi đề xuất cơ quan soạn thảo cân nhắc đưa hai đối tượng “Dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao” và “Dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược”, được đề cập tại khoản 6 và khoản 7 Điều 19 của dự thảo Nghị định, vào cùng một nhóm để nhận chính sách hỗ trợ. Lý do: Theo Luật Công nghệ cao năm 2025, cả hai đối tượng này đều được hưởng ưu đãi và hỗ trợ như nhau. 7. Đối với mức hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đề nghị xem xét sửa lại điểm a khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị định thành: “a) Đối với doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1, trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược và trung tâm nghiên cứu và phát triển công	8. Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 43 dự thảo Nghị định. 9. Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 23 dự thảo Nghị định.
--	--	---

	nghệ cao:...”; tại điểm b khoản 1 Điều 20 đề nghị sửa thành: “b) Đối với doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao:...”. 8. Về quy định chuyển tiếp Đề nghị rà soát và bổ sung quy định chuyển tiếp cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được cấp Giấy chứng nhận theo Luật Công nghệ cao năm 2008 và các văn bản hướng dẫn trước khi Luật Công nghệ cao năm 2025 có hiệu lực. Lý do: Theo Luật Công nghệ cao năm 2025, doanh nghiệp công nghệ cao hiện tại sẽ được xếp tương đương doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 và không còn đối tượng doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao. 9. Đề nghị bổ sung hoàn chỉnh khoản 2 Điều 23 như sau: <i>"2. Công trình hạ tầng xã hội... , bao gồm: nhà ở xã hội cho công nhân thuê, hệ thống cấp nước sạch, xử lý rác thải, trường học, nhà trẻ, cơ sở y tế, công trình văn hóa, công trình thể thao".</i>	
--	--	--

2	Bộ Xây dựng (công văn số 5636/BXD- QLDN ngày 15/4/2026)	Tại khoản 2 Điều 11 dự thảo có ghi “ <i>Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm</i> ”, việc toàn bộ Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm có thể gây ra những bất lợi như: phân tán sự tập trung, công việc thiếu sự chuyên sâu. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh cách thức tổ chức Hội đồng quản lý Quỹ phù hợp hơn.	Bộ máy quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm để đảm bảo tinh gọn, phù hợp với các nguyên tắc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước tại Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
---	--	---	---

3	Bộ Công Thương (công văn số 2643/BCT-KHTC ngày 16/4/2026)	1. Về đối tượng áp dụng và điều kiện hỗ trợ (Điều 18, Điều 19) (i) Về đối tượng (Điều 18) - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo luận giải rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn khi chỉ giới hạn đối tượng hỗ trợ chỉ phí là các doanh nghiệp quy định tại Điều 15 Luật Công nghệ cao năm 2025. - Nghiên cứu, xem xét mở rộng đối tượng hỗ trợ đối với: Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; doanh nghiệp cơ khí chế tạo trọng điểm; doanh nghiệp lĩnh vực tiết kiệm năng lượng và kinh tế tuần hoàn. - Đảm bảo các dự án công nghệ cao trong lĩnh vực năng lượng (như năng lượng tái tạo, lưới điện thông minh) cũng thuộc diện được tiếp cận chính sách. (ii) Về tiêu chí và điều kiện (Điều 19) - Đề nghị làm rõ căn cứ xác định các mức ngưỡng về quy mô vốn (12.000 tỷ đồng, 6.000 tỷ đồng) và doanh thu (20.000 tỷ đồng, 10.000 tỷ đồng). Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét việc giảm các tiêu chí này để tránh tình trạng chính sách chỉ tập trung vào một số ít doanh nghiệp FDI quy mô lớn. Đồng thời, xem xét bổ sung các tiêu chí thay thế như: tỷ lệ nội địa hóa, mức độ lan tỏa công nghệ, khả năng dẫn dắt chuỗi cung ứng của doanh nghiệp trong nước. 2. Về khái niệm và nguyên tắc hỗ trợ (Điều 2, Điều 3) - Về giải thích từ ngữ (Điều 2): Đề nghị làm rõ khái niệm “giá trị sản xuất gia tăng”. Cần rà soát lại việc loại trừ chi phí R&D và chi phí đào tạo để tránh làm sai lệch về bản chất giá trị gia tăng, đồng thời bổ sung hướng dẫn tính toán chi tiết. - Về nguyên tắc hỗ trợ (Điều 3): Đề nghị quy định rõ việc không hưởng đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ chỉ áp dụng đối với cùng một hạng mục chi phí hoặc trong cùng một dự án. Cần tránh cách hiểu quá rộng dẫn đến việc doanh nghiệp không được tiếp cận nhiều cơ chế hỗ trợ khác nhau cho các dự án đầu tư khác nhau. 3. Về tổ chức bộ máy và vận hành Quỹ (Chương II)	1. Về đối tượng áp dụng và điều kiện hỗ trợ (Điều 18, Điều 19) (i) Về đối tượng (Điều 18) - Phù hợp với định hướng thu hút ĐTNN của Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế dài hạn của Việt Nam trong chuỗi cung ứng quốc tế, đặc biệt trong các ngành nghề lĩnh vực công nghệ cao đang là xu hướng mới trên thế giới như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy việc đưa hoạt động R&D về Việt Nam để nâng cao nền tảng công nghệ gốc, phát triển nhân lực khoa học công nghệ tại Việt Nam. - Tập trung nguồn lực nhằm thu hút đầu tư vào một số lĩnh vực ưu tiên; tránh ưu đãi dàn trải, tạo sự đột phá để đảm bảo vị thế cạnh tranh của Việt Nam, hạn chế tối đa tác động đến ngân sách nhà nước. (ii) Về tiêu chí và điều kiện (Điều 19) - Tiêu chí xác định doanh nghiệp cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đang được quy định tại pháp luật công nghệ cao. Do đó, việc áp dụng ưu đãi cho đối tượng này sẽ không gây xáo trộn so với quy định hiện hành. 2. Về khái niệm và nguyên tắc hỗ trợ (Điều 2, Điều 3) - Điều 2: Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định theo hướng không quy định tại phân giải thích từ ngữ mà quy định trong nội dung hạng mục chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao tại Điều 22 dự thảo Nghị định.
---	---	--	--

	- Về cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ (Điều 10): Đề nghị rà soát quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ bao gồm “Hội đồng quản lý Quỹ”, nhằm đảm bảo đúng chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 79/NQ-TW về việc không tổ chức Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập. - Về mô hình pháp lý: Đề nghị rà soát, làm rõ hơn mô hình pháp lý của Quỹ khi dự thảo vừa xác định là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vừa quy định trực thuộc Bộ Tài chính và hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập. Cần làm rõ cơ chế áp dụng đối với tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, kế toán và mối quan hệ giữa Quỹ với Cơ quan điều hành Quỹ. - Về phân cấp quản lý: Làm rõ cơ chế phân cấp, phân quyền giữa Bộ Tài chính, Hội đồng quản lý Quỹ và UBND cấp tỉnh trong việc quyết định mức hỗ trợ và trách nhiệm của từng cơ quan trong quy trình. Bổ sung cơ chế phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực trong quá trình đánh giá hồ sơ đối với các dự án có tính chất kỹ thuật chuyên sâu. 4. Về các chính sách hỗ trợ cụ thể (Chương III) - Hỗ trợ chi phí R&D: nghiên cứu, bổ sung quy định về mức trần hỗ trợ đối với từng doanh nghiệp hoặc dự án để đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn lực. - Hỗ trợ chi phí sản xuất: Xem xét, điều chỉnh phương thức hỗ trợ gắn chặt với giá trị sản xuất gia tăng thực tế để đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế về trợ cấp, hạn chế rủi ro tranh chấp thương mại. - Hỗ trợ đầu tư ban đầu: Xem xét mở rộng phạm vi áp dụng ngoài bán dẫn và trí tuệ nhân tạo AI, bao gồm các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác như công nghệ năng lượng, pin lưu trữ, động cơ điện tiết kiệm năng lượng... 5. Về các vấn đề pháp lý bồi hoàn - Chế tài bồi hoàn (Điều 4): Đề nghị làm rõ bản chất pháp lý của khoản bồi hoàn, tiền lãi và mức phạt 10%. Phân định rõ đây là cơ	- Điều 3: Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 3 dự thảo Nghị định. 3. Về tổ chức bộ máy và vận hành Quỹ (Chương II): Cơ quan chủ trì tiếp tục kế thừa mô hình hoạt động và tổ chức bộ máy như Nghị định số 182/2024/NĐ-CP. 4. Về các chính sách hỗ trợ cụ thể (Chương III) - Hỗ trợ chi phí R&D: Điều 27 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc về mức hỗ trợ đều phải đảm bảo theo nguyên tắc không vượt quá nguồn tài chính của Quỹ. - Hỗ trợ chi phí sản xuất: Giá trị sản xuất gia tăng thực tế bao gồm chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chi phí nghiên cứu và phát triển, mà các chi phí này đã được hỗ trợ tại các hạng mục riêng. Do đó, giá trị sản xuất gia tăng tại Điều 22 dự thảo Nghị định chỉ loại trừ những phần chi phí trùng trong các hạng mục riêng. - Hỗ trợ đầu tư ban đầu: Cơ quan chủ trì sẽ xem xét và nghiên cứu 5. Về các vấn đề pháp lý bồi hoàn Cơ quan chủ trì tiếp tục kế thừa nội dung về xử lý bồi hoàn như Nghị định số 182/2024/NĐ-CP.
--	--	---

		chế thu hồi hỗ trợ, khoản phải nộp thêm do vi phạm nghĩa vụ hay chế tài xử phạt vi phạm hành chính để đảm bảo thống nhất với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, ngân sách nhà nước và quản lý thuế. - Hồ sơ đề nghị hỗ trợ (Điều 28): Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, xem xét lại quy định về văn bản cam kết từ bỏ quyền khiếu kiện quốc tế trong thành phần hồ sơ. Đây là nội dung nhạy cảm, có thể xung đột với các điều ước quốc tế (IPA) mà Việt Nam là thành viên, cần cân nhắc thận trọng về cơ sở pháp lý, phạm vi áp dụng và tính khả thi khi thực hiện.	
--	--	--	--

4	Bộ Tư pháp (công văn số 2667/BTP-PLQT&GQTCĐT QT ngày 22/4/2026)	1. Nội dung dự thảo Tờ trình Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục hoàn thiện nội dung dự thảo Tờ trình theo yêu cầu tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật BHVBQPPL. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý chỉnh lý tên các đầu mục của dự thảo Tờ trình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị định có quy định 03 thủ tục hành chính, cụ thể: (i) Thủ tục đề nghị bồi hoàn chi phí hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp (khoản 7 Điều 4); (ii) Thủ tục đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí (Điều 28-30); (iii) Thủ tục đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu (Điều 33). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý nội dung đánh giá tại Mục IV.3.3 dự thảo Tờ trình để bảo đảm chính xác, thể hiện nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. 2. Nội dung dự thảo Nghị định 2.1. Về Quy định chung (Chương I) 2.1.1. Khoản 10 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Tiền hỗ trợ từ Quỹ không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp</i>”. Theo khoản 8 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, khoản 8 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì “<i>khoản hỗ trợ trực tiếp... từ Quỹ hỗ trợ đầu tư do Chính phủ thành lập</i>” là thu nhập được miễn thuế. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ quy định nêu trên tại dự thảo Nghị định vì pháp luật về thuế đã có quy định liên quan về vấn đề này. 2.1.2. Khoản 4 Điều 9 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Quỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản thu của Quỹ</i>”. Tuy nhiên, theo điểm d khoản 11 Điều 4 Nghị định số	1. Nội dung dự thảo Tờ trình Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ 2.1. Về Quy định chung (Chương I) Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. 2.2. Về Quỹ hỗ trợ đầu tư (Chương II) - Dự toán NSNN hàng năm giao cho Quỹ là rất lớn, việc phê duyệt tổng mức hỗ trợ chi phí cho các đối tượng theo quy định tại Nghị định cần phải báo cáo các cấp có thẩm quyền gồm: (i) Hội đồng quản lý thông qua để trình Bộ Tài chính; (ii) Bộ Tài chính trình Chính phủ để xem xét, phê duyệt. - Cơ quan chủ trì đã hoàn thiện dự thảo Nghị định tại khoản 8 Điều 30. 2.3. Về Chính sách hỗ trợ đầu tư (Chương III) Khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc như sau: “<i>6. Trường hợp doanh nghiệp đồng thời thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư theo Nghị định này và từ Quỹ khác hoặc hình thức hỗ trợ khác của Chính phủ cho cùng một hạng mục hỗ trợ chi phí thì doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ từ một Quỹ hoặc một hình thức hỗ trợ, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác hoặc được Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng khác</i>”. 2.4. Về hồ sơ, trình tự và thủ tục đánh giá hỗ trợ chi phí (Chương IV) Chưa cơ sở để tiếp thu
---	---	---	--

	320/2025/NĐ-CP: “<i>Thu nhập từ hoạt động có thu của... Quỹ hỗ trợ đầu tư... hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định hoặc quyết định. Trường hợp các Quỹ, tổ chức nêu trên phát sinh các khoản thu nhập khác ngoài các khoản thu nhập từ hoạt động có thu do thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao thì phải tính và nộp thuế theo quy định</i>”. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát thêm quy định tại khoản 4 Điều 9 của dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất với pháp luật hiện hành về thuế. 2.2. Về Quỹ hỗ trợ đầu tư (Chương II) Điểm b và c khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn: <i>“b) Phê duyệt tổng mức hỗ trợ chi phí trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm;</i> <i>c) Phê duyệt hạn mức hỗ trợ chi phí cho các địa phương trên cơ sở Nghị quyết của Chính phủ về tổng mức hỗ trợ chi phí và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách nhà nước để phân bổ cho Quỹ”.</i> Bên cạnh đó, khoản 7 và khoản 8 Điều 30 dự thảo Nghị định quy định: <i>“7...Cơ quan điều hành tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Nghị quyết về tổng mức hỗ trợ chi phí trước ngày 05 tháng 10 hàng năm;</i> <i>8. Trên cơ sở Nghị quyết về tổng mức hỗ trợ chi phí của Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành Nghị quyết về tổng mức hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp trong năm tài chính theo nguyên tắc quy định tại Điều 27 Nghị định này”.</i> Bộ Tư pháp nhận thấy, các quy định nêu trên chưa rõ ràng về thẩm quyền phê duyệt cuối cùng đối với tổng mức hỗ trợ chi phí hằng năm (là Hội đồng quản lý Quỹ hay Chính phủ, do cả hai cơ quan đều ban hành Nghị quyết về nội dung này) nên có thể dẫn đến cách	2.5. Về điều khoản thi hành (Chương VI) Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. 2.6. Về các nội dung khác Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. 3. Hồ sơ xây dựng Nghị định Cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến.
--	---	--

		hiều khác nhau trong quá trình áp dụng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý để làm rõ quy định này, bảo đảm tính thống nhất, minh bạch của quy định. 2.3. Về Chính sách hỗ trợ đầu tư (Chương III) Về đối tượng áp dụng và nội dung hỗ trợ chi phí, Bộ Tư pháp nhận thấy: Ngày 17/3/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Bên cạnh đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đang được giao chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Nghị định quy định về Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia. Ngoài ra, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đang được giao chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao, trong đó cũng có nhiều chính sách hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo về công nghệ cao; tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo về công nghệ chiến lược; Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược... Qua rà soát quy định tại Điều 18 (Hạng mục và đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí) và Điều 24 (Đối tượng hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu) dự thảo Nghị định thì các đối tượng áp dụng và nội dung hỗ trợ chi phí theo dự thảo Nghị định có thể có sự trùng lặp với các văn bản nêu trên. Mặc dù khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị định đã đưa ra nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ để tránh trùng lặp, trên thực tế vẫn có thể phát sinh vướng mắc, bất cập, lúng túng trong triển khai. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý lại các hạng mục và đối tượng được hỗ trợ tại dự thảo Nghị định để hạn chế tối đa khả năng trùng lặp.	
--	--	---	--

2.4. Về hồ sơ, trình tự và thủ tục đánh giá hỗ trợ chi phí (Chương IV)

Điểm a khoản 1 Điều 29 dự thảo Nghị định quy định về cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí là: “*Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao (đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao)*”. Hiện nay, Bộ Tài chính đang xây dựng Đề án và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù đối với ba đặc khu kinh tế Vân Đồn, Vân Phong và Phú Quốc. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc chỉnh lý quy định nêu trên nhằm bảo đảm tính bao quát đối với các mô hình khu, đặc khu, tránh phát sinh khoảng trống pháp lý trong quá trình thực hiện.

2.5. Về điều khoản thi hành (Chương VI)

Về hiệu lực thi hành, Điều 44 dự thảo Nghị định quy định: “*Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, áp dụng từ năm tài chính 2025*”. Về việc này, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ đối với quy định này, đảm bảo phù hợp với Điều 55 của Luật BHVBQPPL và tính khả thi trong tổ chức thực hiện trên thực tế.

2.6. Về các nội dung khác

2.6.1. Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao và các cam kết quốc tế của Việt Nam, trong đó có các cam kết của Việt Nam trong WTO (trong đó có Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM)), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA)...

2.6.2. Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, rà soát, chỉnh lý quy định về thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định để bảo đảm nguyên tắc, yêu cầu, quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính,

		Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Trong đó: - Về thủ tục đề nghị bồi hoàn của doanh nghiệp (khoản 7 Điều 4 dự thảo Nghị định): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định đầy đủ bộ phận cấu thành của thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. - Về cách thức thực hiện: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung cách thức thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (khoản 1 Điều 30 dự thảo Nghị định) để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia; từ đó tạo thuận tiện, giảm chi phí cho cá nhân, tổ chức. - Về thành phần hồ sơ: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc giảm yêu cầu số lượng bộ hồ sơ đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí từ 02 bộ xuống 01 bộ vì doanh nghiệp đã được yêu cầu nộp hồ sơ bản điện tử kèm theo bản giấy (khoản 1 Điều 30 dự thảo Nghị định); không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ do cơ quan giải quyết đang quản lý (Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) (khoản 2 Điều 28 và điểm b khoản 1 Điều 33 dự thảo Nghị định). - Về thời gian giải quyết: Quy định thống nhất thời gian giải quyết thủ tục hành chính là “ngày làm việc” (Điều 30 dự thảo Nghị định) để phù hợp với Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 3. Hồ sơ xây dựng Nghị định 3.1. Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở quy	
--	--	---	--

		định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “2. Hồ sơ dự thảo nghị định trình Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: a) Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 28 của Nghị định này , trong đó tờ trình, các báo cáo được ký và đóng dấu, dự thảo văn bản được đóng dấu giáp lai, các tài liệu khác được đóng dấu treo của bộ, cơ quan ngang bộ; b) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.” 3.2. Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Chương V của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo Nghị định để đảm bảo lời văn sử dụng rõ ràng, dễ hiểu, không gây nhầm lẫn.	
--	--	---	--

5	Vụ Ngân sách nhà nước (công văn số 1416/NSNN-QLĐH ngày 15/4/2026)	I. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ: Triển khai thực hiện Nghị định số 182/2024/NĐ-CP, đối với dự toán chi NSNN năm 2025, căn cứ Quyết định số 2834/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã giao dự toán chi NSNN năm 2025 cho Quỹ Hỗ trợ đầu tư (Quỹ) với số tiền là 10.000 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Do vậy, tại dự thảo Tờ trình đề nghị Cục ĐTNN bổ sung nội dung đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 182/2024/NĐ-CP: kết quả đạt được, khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện,... II. Về dự thảo Nghị định quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (dự thảo Nghị định) 1. Về địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ: Nghị định số 182/2024/NĐ-CP đã quy định: “<i>Quỹ Hỗ trợ đầu tư là Quỹ quốc gia được Chính phủ thành lập, ...</i>” Điều 8 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Quỹ Hỗ trợ đầu tư là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được Chính phủ thành lập, giao cho Bộ Tài chính quản lý; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, không vì mục tiêu bảo toàn nguồn tài chính của Quỹ.</i>” Vì vậy, đề nghị Cục ĐTNN rà soát, báo cáo làm rõ việc đề xuất thành lập Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách tại dự thảo Nghị định. 2. Về Hội đồng quản lý Quỹ Dự thảo quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ và Cơ quan điều hành Quỹ. Tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định về các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ: “...b) <i>Phê duyệt tổng mức hỗ trợ chi phí trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm; c) Phê duyệt hạn mức hỗ trợ chi phí cho các địa phương trên cơ sở Nghị quyết của Chính phủ về tổng mức hỗ trợ chi phí và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách nhà</i>	I. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Tờ trình Chính phủ II. Về dự thảo Nghị định 1. Về địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ 2. Về Hội đồng quản lý Quỹ 3. Về nguyên tắc xét duyệt đề nghị hỗ trợ 4. Về nhiệm vụ chi của Quỹ 5. Về Lập kế hoạch tài chính và dự toán NSNN hằng năm của Quỹ (1) Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 5 Điều 37 dự thảo Nghị định (2) Cơ quan chủ trì tiếp thu và đảm bảo việc thực hiện quy trình phù hợp với thời hạn lập, tổng hợp và gửi dự toán NSNN theo quy định của pháp luật. 6. Cơ quan chủ trì tiếp thu và rà soát quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và mô hình hoạt động của Quỹ để quy định việc chuyển nguồn cho phù hợp, đúng quy định.
---	---	---	--

		<i>nước để phân bổ cho Quỹ.”</i> Dự toán NSNN hằng năm giao cho Quỹ là rất lớn (năm 2025 là 10 nghìn tỷ đồng; dự toán năm 2026 đã bố trí nguồn cho Quỹ khoảng 10,5 nghìn tỷ đồng, trên cơ sở số dự kiến thu thuế tối thiểu toàn cầu năm 2026); việc phê duyệt tổng mức hỗ trợ chi phí cho các đối tượng theo quy định tại Nghị định cần phải báo cáo cấp có thẩm quyền (Chính phủ) để xem xét, phê duyệt. Đề nghị Cục ĐTNN sửa lại quy định tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định cho phù hợp; đồng thời rà soát, sửa lại các nội dung liên quan tại dự thảo Nghị định cho thống nhất (như khoản 2 Điều 27 đang quy định Quỹ quyết định tổng mức hỗ trợ cho các địa phương,...). 3. Về nguyên tắc xét duyệt đề nghị hỗ trợ Tại khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định: <i>“Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và định hướng phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư trong từng thời kỳ, Quỹ quyết định tổng mức hỗ trợ cho các địa phương. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ đối với từng doanh nghiệp có đề xuất hỗ trợ đầu tư.”</i> Đề nghị kế thừa nội dung tại khoản 3 và 4 Điều 27 Nghị định số 182/NĐ-CP: <i>“3. Trên cơ sở đề nghị báo cáo đề xuất hỗ trợ chi phí từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của doanh nghiệp, dự kiến khả năng cân đối kinh phí của Quỹ trong năm tài chính, Hội đồng quản lý Quỹ tổ chức đánh giá và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định về tổng mức hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư trong từng thời kỳ và ngân sách của Quỹ.</i> <i>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này xem xét, quyết định số tiền hỗ trợ cho từng doanh nghiệp trong phạm vi ngân sách được phân bổ.”</i> 4. Về nhiệm vụ chi của Quỹ: Khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định quy định chi hoạt động quản	
--	--	---	--

		lý Quỹ bao gồm chi chế độ phụ cấp theo quy định cho người làm việc kiêm nhiệm. Tại khoản 2 Điều 11 và khoản 7 Điều 16 dự thảo Nghị định có quy định thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng tối đa 100% mức lương hiện hưởng của ngạch công chức. Đề nghị rà soát quy định này, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. 5. Về Lập kế hoạch tài chính và dự toán NSNN hằng năm của Quỹ (Điều 37 dự thảo Nghị định) (1) Đối với khoản 5 Điều 37, dự thảo quy định về phân bổ NSNN năm 2025 và 2026 để giao cho Quỹ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, dự toán NSNN năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền quyết định và phân bổ cho Bộ Tài chính để giao cho Quỹ, do đó đề nghị rà soát, điều chỉnh quy định theo hướng bỏ nội dung liên quan đến năm 2025 hoặc quy định chuyển tiếp phù hợp với thực tế. (2) Đối với khoản 6 Điều 37, dự thảo quy định việc xây dựng dự toán chi NSNN từ năm 2027 căn cứ trên số thực tế thu NSNN năm 2025 và các năm tiếp theo từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, dự kiến các nguồn bổ sung khác và dự kiến chi của Quỹ trong năm dự toán. Trong đó, dự kiến chi của Quỹ được tổng hợp từ doanh nghiệp đề xuất gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, gửi cơ quan điều hành Quỹ để gửi đơn vị xây dựng dự toán của Bộ Tài chính. Việc lập dự toán của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương gửi Bộ Tài chính phải thực hiện theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN. Do đó, đề nghị Cục ĐTNN nghiên cứu quy định về quy trình bảo đảm phù hợp với thời hạn lập, tổng hợp và gửi dự toán NSNN theo quy định của pháp luật.	
--	--	--	--

		(3) Đối với khoản 7 và khoản 8 Điều 37, dự thảo đều quy định về trường hợp nguồn tài chính của Quỹ không đủ nhưng tách thành hai trường hợp: không đủ chi hỗ trợ doanh nghiệp và không đủ chi hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu. Trong đó, đối với chi hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu đã quy định rõ việc trình cấp có thẩm quyền xem xét sử dụng nguồn chi đầu tư công; tuy nhiên, đối với chi hỗ trợ doanh nghiệp lại chưa làm rõ nguồn xử lý và cơ sở pháp lý áp dụng. Theo pháp luật về NSNN, không có quy định NSNN thực hiện chi hỗ trợ doanh nghiệp. Bên cạnh đó, theo dự thảo, tại thời điểm xây dựng dự toán đã căn cứ trên đề xuất hỗ trợ để bố trí dự toán và nguồn tài chính của Quỹ đã được xác định tại khoản 1 Điều 35 từ ngân sách trung ương (gắn với nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu). Do đó, đề nghị bổ sung làm rõ cơ sở pháp lý; trường hợp không đủ cơ sở pháp lý, đề nghị bỏ quy định tại khoản 7 Điều 37. (4) Ngoài ra, nhiệm vụ chi của Quỹ bao gồm chi hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp và chi hoạt động quản lý Quỹ; tuy nhiên, Điều 37 của dự thảo hiện mới chỉ quy định về quy trình đối với khoản chi hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp, chưa quy định đối với chi hoạt động quản lý Quỹ. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung hoặc có quy định dẫn chiếu đến các văn bản pháp luật có liên quan. 6. Về quyết toán Quỹ Khoản 4 Điều 40 dự thảo Nghị định quy định: “<i>a) Việc quyết toán vốn của Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</i> <i>b) Dự toán, số dư tài khoản Quỹ không sử dụng hết trong năm (nếu có) được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng”.</i> Khoản 3 Điều 66 Luật NSNN và Điều 31 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ đã quy định về chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau. Khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định: “<i>2. Quỹ trực thuộc Bộ Tài chính, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập,</i>	
--	--	--	--

		<i>theo các quy định riêng về tổ chức và cơ chế hoạt động quy định tại Nghị định này”.</i> Vì vậy, đề nghị Cục DTNN rà soát quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và mô hình hoạt động của Quỹ để quy định việc chuyển nguồn cho phù hợp, đúng quy định.	
--	--	---	--

6	Cục Thuế (công văn số 2548/CT-CS ngày 21/4/2026)	1. Ý kiến cụ thể - Khoản 10 Điều 3, đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định như sau: “10. Tiền hỗ trợ từ Quỹ không thuộc các trường hợp phải bồi hoàn theo quy định tại Điều 4 Nghị định này không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp”. Đồng thời, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo lấy ý kiến Vụ Pháp chế, Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế phí và lệ phí đối với nội dung này. - Đề nghị bổ sung tại khoản 8 Điều 28 dự thảo: “8. Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp” và điểm c khoản 1 Điều 33 dự thảo: “c) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp, ngoại trừ trường hợp doanh nghiệp mới thành lập để thực hiện dự án.” để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Quản lý thuế 2025. - Theo quy định của pháp luật quản lý thuế, người nộp thuế được quyền khai điều chỉnh, bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01/7/2026 là trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót. Trong trường hợp nguồn thu thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở tính thuế đã được chuyển cho Quỹ theo quy định tại Điều 35 thì khi người nộp thuế khai điều chỉnh, bổ sung giảm số thuế phải nộp dẫn tới phát sinh nộp thừa sẽ được đề nghị hoàn trả khoản nộp thừa. Đề nghị hoàn trả nộp thừa có thể sẽ phát sinh trong vòng 5 năm sau khi Quỹ đã sử dụng hết nguồn tài chính để chi hỗ trợ. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu xem xét bổ sung vào khoản 9 Điều 28 việc cam kết không kê khai điều chỉnh, bổ sung dẫn đến phát sinh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung phải nộp, giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đã nộp thừa. Đề xuất này của Cục Thuế nhằm tránh việc doanh nghiệp kê khai,	1. Ý kiến cụ thể - Việc phát hiện bồi hoàn xảy ra sau khi nhận tiền từ Quỹ, thời gian yêu cầu bồi hoàn, phạt là 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp nhận được khoản tiền hỗ trợ. Do đó, tại thời điểm nhận tiền từ Quỹ, việc doanh nghiệp phải xác định không thuộc trường hợp phải bồi hoàn để không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN là không hợp lý. - Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 28 và Điều 33 dự thảo Nghị định. - Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 9 Điều 28 dự thảo Nghị định. 2. Các nội dung khác - Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 8 Điều 2 dự thảo Nghị định. - Khoản 5 Điều 2: Cơ quan chủ trì đã nêu nguyên tắc tại Điều 3 theo hướng chỉ hỗ trợ đầu tư đối với chi phí phát sinh và thực tế đã chi của dự án. - Khoản 2 Điều 3: Từng hạng mục hỗ trợ chi phí có phân hóa mức hỗ trợ cho từng đối tượng (ví dụ: doanh nghiệp CNC nhóm 1 sẽ được hưởng ưu đãi cao hơn doanh nghiệp CNC nhóm 2) hoặc phân hóa theo mức lũy tiến từng phần, với mức chi ở ngưỡng càng cao thì mức hỗ trợ tương ứng với mức chi cũng cao hơn. Theo đó, cụm từ “<i>tương ứng với mức đáp ứng điều kiện hưởng hỗ trợ</i>” là cần thiết. - Khoản 3 Điều 3: Việc quy định như tại dự thảo Nghị định được xây dựng để đồng bộ,
---	--	--	--

	nộp thuế không chính xác, ảnh hưởng tới việc dự toán, quản lý Quỹ, sau khi hưởng hỗ trợ thì tiếp tục khai giảm nghĩa vụ thuế, hưởng số hoàn thuế, bù trừ từ cơ quan thuế. 2. Các nội dung khác: - Về căn cứ pháp lý: Đề nghị bổ sung Luật Kế toán và Luật số 56/2024/QH15 do tại khoản 8 Điều 2 về năm tài chính quy định năm tài chính được xác định theo pháp luật về kế toán và pháp luật thuế. - Đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc các nội dung quy định tại Điều 2 - Giải thích từ ngữ, đảm bảo giải thích các thuật ngữ chuyên môn sử dụng trong Nghị định được giải thích ở Điều 2. - Khoản 5 Điều 2: Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ: phần giá vốn của toàn bộ sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao bán ra (không bao gồm phí bản quyền, phí chuyển giao công nghệ phải trả cho bên nước ngoài) trừ đi các khoản chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí đào tạo, phát triển nhân lực, chi phí nghiên cứu và phát triển được xác định theo sổ kế toán và báo cáo tài chính đã được kiểm toán chỉ bao gồm chi phí thực chi trả trong năm đề nghị, không bao gồm các khoản chi phí trích trước. Ngoài ra, đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc bổ sung quy định đối với việc loại trừ chi phí bản quyền, phí chuyển giao công nghệ trả cho bên trong nước khỏi giá vốn trong trường hợp bên liên kết trong nước không phải là đối tượng thực hưởng của khoản chi phí trên. VD: doanh nghiệp A và doanh nghiệp B cùng thuộc 1 Tập đoàn tại Việt Nam. Doanh nghiệp A trả chi phí bản quyền cho doanh nghiệp B, sau đó doanh nghiệp B trả phần chi phí bản quyền trên cho công ty mẹ của Tập đoàn tại nước ngoài. Như vậy, khoản chi phí trên thực chất là doanh nghiệp A trả cho bên nước ngoài và cần được xem xét loại trừ trong giá vốn. Nội dung này, đề nghị lấy ý kiến Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán. - Khoản 2 Điều 3: Đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc quy định	thống nhất với Nghị định số 96/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. - Khoản 5 Điều 3: Một doanh nghiệp có thể thực hiện nhiều dự án, Quỹ chỉ hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện dự án đáp ứng đầy đủ tiêu chí, điều kiện trong lĩnh vực công nghệ cao. - Khoản 9 Điều 3: Năm 2026, Quỹ căn cứ vào nhu cầu chi và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ ngân sách cho Quỹ. Đến năm 2027, Quỹ mới căn cứ dựa trên số thực thu thuế năm 2025 và các năm tiếp theo từ nguồn QDMTT. Do đó, thời điểm nộp hồ sơ không bị ảnh hưởng bởi thời hạn thu thuế theo quy định của thuế tối thiểu toàn cầu. - Khoản 6 Điều 4: Cơ quan chủ trì tiếp thu để tiếp tục rà soát và nghiên cứu.
--	--	---

		<i>“tương ứng với mức đáp ứng điều kiện hưởng hỗ trợ”</i> vì về nguyên tắc, doanh nghiệp phải đáp ứng tất cả các điều kiện hưởng hỗ trợ thì mới được xem xét hỗ trợ theo các mức quy định tại Nghị định. - Khoản 3 Điều 3: đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc trường hợp có sự không thống nhất giữa bản giấy và bản điện tử thì hồ sơ không đạt yêu cầu để nâng cao tính trách nhiệm của doanh nghiệp khi nộp hồ sơ đến cơ quan nhà nước. - Khoản 5 Điều 3: Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định trên về đối tượng được chi hỗ trợ có gồm “dự án” hay không do theo quy định tại Điều 1 dự thảo, đối tượng áp dụng Nghị định là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam đáp ứng tiêu chí và điều kiện tại Nghị định, không gồm dự án. - Khoản 9 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: Theo quy định của thuế tối thiểu toàn cầu, thời hạn kê khai, nộp thuế QDMTT là 12 tháng sau khi kết thúc năm tài chính. Theo Điều 35 dự thảo Nghị định, nguồn tài chính của Quỹ gồm dự toán chi đầu tư phát triển khác tương ứng với toàn bộ nguồn thu thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc về thời điểm tiếp nhận Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí để đảm bảo “Mức hỗ trợ chi phí ... đảm bảo không vượt quá nguồn tài chính của Quỹ” quy định tại khoản 4 dự thảo Nghị định. - Khoản 6 Điều 4: Theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 44 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 thì thời hiệu xử phạt tùy theo loại hành vi là 2 năm, 5 năm và theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thời hiệu truy thu thuế là 10 năm trở về trước kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo cân nhắc nội dung này để tăng trách nhiệm của doanh nghiệp cũng như không làm thất thu NSNN. - Ngoài ra, về việc lập dự toán: Hàng năm, các địa phương, bộ ngành, cơ quan thu, cơ quan tài chính, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên cơ sở diễn	
--	--	---	--

		biến tình hình phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh trên địa bàn, quy định về chính sách, chế độ và định hướng phát triển chung của cả nước theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối với khoản thu thuế tối thiểu toàn cầu – là khoản thu thuế TNDN được lập và tổng hợp chung trong nguồn thu thuế TNDN từ các địa phương và trình cấp có thẩm quyền quyết định. Do đó, quy trình lập dự toán đối với khoản thu này được thực hiện theo trình tự, thủ tục chung của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, không phát sinh quy trình lập dự toán riêng biệt. Việc kê khai, nộp đối với thuế tối thiểu toàn cầu được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, được hạch toán theo tiểu mục 1058, ngân sách trung ương hưởng 100%. Về nội dung này, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo tổng hợp ý kiến Vụ Ngân sách nhà nước.	
--	--	---	--

7	Cục Quản lý giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí (công văn số 807/CST-TN ngày 06/4/2026)	1. Về nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ (khoản 9 Điều 3): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định cụ thể trường hợp nào áp dụng theo doanh thu của doanh nghiệp (tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 18) và trường hợp nào áp dụng theo dự án đầu tư có doanh thu (tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 18). 2. Về hạng mục và đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí bao gồm (Điều 18): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung cơ sở về lí do chỉ đề xuất áp dụng đối tượng được hỗ trợ theo Luật Công nghệ cao. 3. Về hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển (Điều 21): Tại Điều 15 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã quy định các khoản chi cụ thể của doanh nghiệp dành cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, theo đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát đề không mở rộng các khoản chi phí nghiên cứu và phát triển so với Điều 15 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. 4. Về nguyên tắc xét duyệt đề nghị hỗ trợ chi phí (Điều 27) Tại khoản 3 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc Quỹ hỗ trợ bảo đảm không vượt quá nguồn tài chính của Quỹ quy định tại Điều 35, tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ hơn phương án xử lý trong trường hợp doanh nghiệp yêu cầu hỗ trợ vượt quá nguồn tài chính của Quỹ.	1. Về nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ Cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến và hoàn thiện tại khoản 9 Điều 3 dự thảo Nghị định phù hợp với Luật CNC 2025 theo hướng: doanh nghiệp CNC nhóm 1, doanh nghiệp CNC nhóm 2, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao áp dụng theo doanh thu của doanh nghiệp; doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao (điều khoản chuyển tiếp) áp dụng theo doanh thu của dự án đầu tư; trung tâm nghiên cứu và phát triển không áp dụng điều kiện về doanh thu. 2. Về đối tượng áp dụng Cơ quan chủ trì giải trình như sau: - Khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư năm 2025 quy định: Chính phủ thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư. - Tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030 đã nêu quan điểm cần ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao. - Ngoài ra, đối tượng được hưởng hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư đã được Chính phủ thông qua tại Nghị định 182. Dự thảo Nghị định vẫn kế thừa đối tượng từ Nghị định 182, đồng thời cập nhật, đồng bộ hóa với Luật
---	---	--	--

			CNC 2025. 3. Về các khoản chi phí nghiên cứu và phát triển Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 21 dự thảo Nghị định theo hướng chi tiết các hạng mục được quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 08/2024/TT-BKHCN. 4. Về nguyên tắc xét duyệt đề nghị hỗ trợ chi phí (Điều 27) Cơ quan điều hành tổng hợp đề nghị từ các địa phương, sau đó cân đối và trình HĐQL theo nguyên tắc không vượt quá nguồn tài chính của Quỹ. Quỹ chỉ hỗ trợ doanh nghiệp trong khả năng cân đối của ngân sách.
--	--	--	---

8	Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán (công văn số 487/QLKT-DN ngày 07/4/2026)	1. Về giải thích từ ngữ (Điều 2): Tại khoản 14 Điều 3 Luật Kế toán 2015 quy định: “<i>Kỳ kế toán là khoảng thời gian xác định từ thời điểm đơn vị kế toán bắt đầu ghi sổ kế toán đến thời điểm kết thúc việc ghi sổ kế toán, khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính</i>”. Theo đó, pháp luật về kế toán chỉ có quy định về kỳ kế toán mà không có quy định về năm tài chính. Vì vậy, trường hợp quy định về năm tài chính, đề nghị đơn vị chủ trì không tham chiếu đến pháp luật về kế toán. 2. Về địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ (Điều 8) Điều 8 dự thảo Nghị định có nêu “<i>1. Quỹ Hỗ trợ đầu tư là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách,....2. Quỹ trực thuộc Bộ Tài chính, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập,...</i>”. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa nêu rõ về mức tự chủ tài chính của Quỹ theo phân loại mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ). Do vậy, đề nghị đơn vị nghiên cứu, bổ sung quy định đầy đủ. 3. Về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ (Điều 9): đề nghị cân nhắc quy định tại điểm c khoản 2 về việc “<i>Thực hiện chế độ báo cáo, quản lý tài chính, ...</i>” của Quỹ do đây là trách nhiệm của Quỹ, không phải là nhiệm vụ của Quỹ được giao. 4. Về nguồn tài chính của Quỹ (Điều 35): - Tại điểm b khoản 1 quy định “<i>nguồn ngân sách trung ương bổ sung theo khả năng cân đối</i>”: Đề nghị xác định rõ là nguồn ngân sách trung ương bổ sung theo khả năng cân đối cho mục đích chi thường xuyên hay chi đầu tư phát triển của Quỹ. - Tại khoản 3: Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ quy định “<i>nguồn tồn dư Quỹ hàng năm</i>” là nguồn gì? (là số dư dự toán cấp cho Quỹ chưa sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm sau hay số dư lấy	1. Về giải thích từ ngữ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 8 Điều 2 như sau: “<i>Năm tài chính của đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính tương ứng với kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp lựa chọn.</i>” 2. Về địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ Cơ quan chủ trì giải trình như sau: khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định quy định: “<i>Quỹ trực thuộc Bộ Tài chính, <u>hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập</u>...</i>”. Theo đó, Quỹ chỉ hoạt động theo mô hình, không phải đơn vị sự nghiệp công lập. 3. Về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. 4. Về nguồn tài chính của Quỹ Cơ quan chủ trì giải trình như sau: Điều 36 quy định về nhiệm vụ chi của Quỹ gồm: chi hỗ trợ chi phí doanh nghiệp và chi hoạt động quản lý Quỹ. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định cũng nêu rõ kinh phí chi hoạt động của Quỹ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Tài chính. Theo đó, nguồn tài chính của Quỹ chỉ phục vụ duy nhất mục đích hỗ trợ doanh nghiệp. Trường hợp Quỹ không sử dụng hết thì nguồn tồn dư của Quỹ là dự toán ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhưng chưa chi hết
---	---	--	--

	từ chênh lệch thu - chi hoạt động trong năm của Quỹ). 5. Về hạch toán, kế toán, quyết toán và chế độ báo cáo tài chính Quỹ (Điều 40) - Đề nghị sửa lại tên Điều 40 như sau: “<i>Chế độ kế toán, quyết toán và chế độ báo cáo tài chính của Quỹ</i>” - Tại khoản 1, đề nghị chỉ quy định nguyên tắc như sau: “<i>Quỹ tổ chức, thực hiện công tác kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định của pháp luật có liên quan</i>”. - Nội dung điểm b khoản 1 là nội dung về quản lý tài chính của Quỹ, do đó, đề nghị kết cấu lại dự thảo Nghị định và không để nội dung này tại quy định về chế độ kế toán của Quỹ. - Nội dung tại điểm c khoản 1 đã được quy định tại Luật Kế toán, do đó, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo cân nhắc bỏ quy định tại điểm c khoản 1 để tránh trùng lặp.	và số dư lấy từ chênh lệch thu - chi hoạt động trong năm của Quỹ. 5. Về hạch toán, kế toán, quyết toán và chế độ báo cáo tài chính Quỹ Cơ quan chủ trì đã tiếp thu và hoàn thiện Điều 40 dự thảo Nghị định.
--	--	---

9	Cục Kế hoạch – Tài chính (công văn số 453/KHTC-TC ngày 08/4/2026)	1. Theo dự thảo Nghị định, tài khoản của Quỹ được mở tại ngân hàng thương mại (Điều 39) để tiếp nhận các nguồn tài chính của Quỹ quy định tại Điều 35; nhiệm vụ chi của Quỹ có chi hoạt động quản lý Quỹ và kinh phí chi cho hoạt động của Quỹ “... <i>bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Tài chính hoặc bố trí trong tổng mức hỗ trợ chi phí cấp cho Quỹ cho năm tài chính</i>” (Điều 36). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ “<i>Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách...</i>”, đồng thời do Quỹ Hỗ trợ đầu tư “<i>hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, không vì mục tiêu bảo toàn nguồn tài chính của Quỹ</i>” (khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định); vì vậy, đề nghị Cục Đầu tư nước ngoài nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Nghị định về kinh phí hoạt động quản lý Quỹ Hỗ trợ đầu tư theo hướng bố trí trong tổng mức hỗ trợ chi phí cấp cho Quỹ cho năm tài chính (không bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Tài chính). 2. Theo Điều 39 dự thảo Nghị định, tài khoản của Quỹ được mở tại ngân hàng thương mại để tiếp nhận các khoản tài chính quy định tại Điều 35, nhưng chưa quy định cơ chế kiểm soát đối với nguồn tài chính của Quỹ tại ngân hàng thương mại; do đó, đề nghị Cục Đầu tư nước ngoài nghiên cứu bổ sung nội dung này để bảo đảm việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính của Quỹ chặt chẽ, hiệu quả theo quy định của pháp luật.	1. Về kinh phí hoạt động của Quỹ Cơ quan chủ trì kế thừa quy định của Nghị định số 182/2024/NĐ-CP theo hướng: Kinh phí chi hoạt động quản lý Quỹ bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Tài chính. Quy trình, định mức chi hoạt động quản lý Quỹ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan. 2. Về cơ chế kiểm soát đối với nguồn tài chính của Quỹ tại ngân hàng thương mại Cơ quan chủ trì đã hoàn thiện theo hướng kế thừa Nghị định số 182/2024/NĐ-CP như sau: Tài khoản của Quỹ mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước để tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn ngân sách trung ương để thực hiện chi hỗ trợ cho doanh nghiệp.
---	---	---	---

10	Kho bạc nhà nước (công văn số 1977/KBNN-CSPC ngày 08/4/2026)	1. Ý kiến chung - Tại Khoản 4 Điều 15 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 (hướng dẫn Nghị định số 73/2026/NĐ-CP) quy định về chi ngân sách nhà nước theo hình thức lệnh chi tiền: “<i>a) Các nhiệm vụ thực hiện chi theo hình thức lệnh chi tiền, bao gồm:</i> ... - <i>Chi cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý cho các ngân hàng chính sách; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quy định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ; ngân sách địa phương ủy thác cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;</i>” Do đó, để thống nhất trong thực hiện chi ngân sách nhà nước theo quy định nêu trên, đề nghị dự thảo Nghị định quy định phương thức cấp vốn NSNN cho Quỹ hỗ trợ đầu tư theo hình thức “Lệnh chi tiền”. Đồng thời, quy định kinh phí hoạt động hằng năm của Quỹ bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Tài chính. - Về cơ chế kiểm soát chi từ Quỹ hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp, đề nghị dự thảo Nghị định quy định theo hướng: Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm kiểm soát đối tượng được hỗ trợ và mức vốn hỗ trợ cho từng doanh nghiệp. KBNN căn cứ ủy nhiệm chi và số dư trên tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại KBNN (nếu có) để chuyển tiền cho doanh nghiệp được hỗ trợ chi phí. - Luật NSNN quy định: + Tại khoản 23 Điều 4 quy định: “<i>Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật</i>”. + Tại khoản 10 Điều 8 quy định: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.	1. Ý kiến chung Cơ quan chủ trì kế thừa Nghị định số 182/2024/NĐ-CP theo hướng: hình thức cấp vốn NSNN cho Quỹ bằng rút dự toán, KBNN thực hiện kiểm soát chi đối với hồ sơ chi từ Quỹ. 2. Ý kiến cụ thể - Kinh phí hoạt động của Quỹ được quy định tại Điều 36 dự thảo Nghị định, theo đó những nội dung liên quan đến chi hoạt động sẽ được bố trí tại nguồn quy định tại Điều 36, không cần thiết lặp lại ở các điều khoản khác. - Nguồn tồn dư Quỹ là dự toán ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho doanh nghiệp nhưng chưa chi hết và số dư lấy từ chênh lệch thu - chi hoạt động trong năm của Quỹ. - Về hiệu lực thi hành, Cơ quan chủ trì đã tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 42 dự thảo Nghị định.
----	--	--	---

		Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước. Do đó, căn cứ quy định nêu trên, đề nghị đơn vị chủ trì rà soát nội dung chi hỗ trợ doanh nghiệp để đảm bảo nguyên tắc nhiệm vụ chi hỗ trợ doanh nghiệp không trùng lặp với các nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước. 2. Ý kiến cụ thể - Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý: Luật đầu tư công số 58/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15. - Tại khổ cuối khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định đề nghị quy định: “<i>Kinh phí hoạt động của Quỹ bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Tài chính</i>”, do đó, đề nghị sửa nội dung quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 11, khoản 7 Điều 16 cho phù hợp với quy định về chi quản lý hành chính nhà nước của Quỹ (bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Bộ Tài chính) mà KBNN đã tham gia tại mục 1 nêu trên. Đồng thời, nội dung này đề nghị đơn vị chủ trì tổng hợp ý kiến của Vụ Tài chính - Kinh tế ngành. - Đề nghị cân nhắc, làm rõ nội dung “<i>Nguồn tồn dư quỹ hàng năm</i>” quy định tại khoản 3 Điều 35 dự thảo Nghị định. Lý do: nguồn tồn dư quỹ hàng năm đã nằm trong phạm vi phân loại của nguồn tài chính của quỹ từ nguồn ngân sách và nguồn ngoài ngân sách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. - Tại khoản 8 Điều 37 dự thảo Nghị định quy định bố trí vốn đầu tư công để hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu cho doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ, do đó, đề nghị Cục Đầu tư nước ngoài lấy ý kiến Vụ Phát triển hạ tầng là đơn vị được giao chủ trì cơ chế chính sách về chi đầu tư công quy định hồ sơ, thủ tục chi từ nguồn đầu tư công cho Quỹ tại Nghị định này để tránh vướng mắc trong	
--	--	--	--

		quá trình thực hiện. - Về cơ chế chi và hồ sơ chi, đề nghị tham khảo thêm quy định chi đối với “<i>Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>”. Tại điểm đ khoản 1 Điều 38 đề nghị sửa như sau: “<i>Hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước mà Quỹ mở tài khoản để chi hỗ trợ doanh nghiệp gồm: Ủy nhiệm chi (Mẫu số 17 ban hành kèm theo mẫu quy định tại Nghị định 347/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ) (2 bản gốc). Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định cách thức giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP.</i>” - Tại khoản 3 Điều 66 Luật NSNN số 89/2025/QH15 quy định các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau. Theo đó, đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 40 dự thảo Nghị định đề nghị sửa lại như sau: “<i>Dự toán ngân sách nhà nước cấp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN, số dư tài khoản Quỹ không sử dụng hết trong năm (nếu có) được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.</i>” Nội dung này đề nghị tổng hợp ý kiến của Vụ Ngân sách nhà nước. - Tại khoản 1 Điều 44 đề nghị xin ý kiến Vụ Pháp chế về hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2025 có phù hợp với Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hay không?	
--	--	--	--

11	Văn phòng Bộ (công văn số 696/VP-CCHC ngày 03/4/2026)	1. Về thủ tục hành chính (TTHC): Dự thảo Nghị định quy định 02 TTHC: (i) Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí; (ii) Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu. Để bảo đảm tính đầy đủ của hồ sơ trình dự thảo Nghị định, đề nghị Cục Đầu tư nước ngoài bổ sung các tài liệu sau: - Bản đánh giá TTHC, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo trong hồ sơ dự thảo Nghị định theo Mẫu số 6 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. - Biểu mẫu đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ TTHC theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. 2. Về quy định các bộ phận cấu thành của TTHC trong dự thảo Nghị định: a) Về số lượng bộ hồ sơ: Tại khoản 1 Điều 30 dự thảo Nghị định quy định: Doanh nghiệp nộp 02 bộ hồ sơ gốc đề nghị hỗ trợ chi phí kèm theo bản điện tử tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua hệ thống bưu chính trước ngày 15 tháng 6 trong năm liên tiếp của năm tài chính là chưa đúng tinh thần về cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo yêu cầu tại điểm 2.1 phần III Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân “thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo. Triển khai mạnh mẽ việc cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào địa giới hành chính” và yêu cầu tại điểm d mục 2 phần II của Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2026 của Chính phủ về Chương trình cắt	1. Về đánh giá thủ tục hành chính Cơ quan chủ trì giải trình như sau: Theo quy định tại Nghị định 78/2025/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, hồ sơ trình Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm: Tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo văn bản; báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; tài liệu khác (nếu có). Theo đó, hồ sơ Nghị định được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn không phải bao gồm: Bản đánh giá TTHC, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Biểu mẫu đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ TTHC. 2. Về ý kiến chi tiết - Về số lượng hồ sơ, Cơ quan chủ trì tiếp thu và điều chỉnh tại khoản 1 Điều 30 dự thảo Nghị định. - Về thành phần hồ sơ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ gồm cơ quan thuộc Bộ Tài chính và cơ quan thuộc địa phương và thành phần hồ sơ thuộc nhiều đơn vị thuộc Bộ, ngành khác nhau. Do đó, để thuận tiện trong quá trình tra cứu và đánh giá hồ sơ, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ kèm theo bản điện tử cho Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.
----	---	--	---

	giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 “100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình”. Do vậy, đề nghị Cục Đầu tư nước ngoài, nghiên cứu quy định lại nội dung này theo hướng yêu cầu doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ điện tử trên Cổng Dịch vụ công quốc gia/Cổng Một cửa đầu tư quốc gia phù hợp với mô hình kiến trúc tổng thể của Cổng một cửa đầu tư quốc gia. b) Về thành phần hồ sơ: Tại điểm c khoản 1 Điều 33 dự thảo Nghị định quy định thành phần hồ sơ là “Bản sao có chứng thực Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương”. Tuy nhiên, theo yêu cầu tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 667/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu quy định “Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin để thay thế cho các loại thông tin, thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính”. Do vậy, đề nghị cục Đầu tư nước ngoài sửa lại nội dung này theo hướng cơ quan giải quyết TTHC có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin để thay thế thành phần hồ sơ là “Bản sao có chứng thực Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) và chỉ được yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bản cứng khi không thể khai thác được thông tin trên hệ thống”. c) Về cơ quan giải quyết TTHC: Đề nghị làm rõ Cơ quan giải quyết TTHC quy định tại Điều 30 dự thảo Nghị định là Ban Quản lý khu kinh tế (KKT), khu công nghiệp (KCN), khu công nghệ cao (KCNC) (đối với dự án trong KKT, KCN, KCNC) hoặc Sở Tài chính (đối với dự án ngoài KKT, KCN, KCNC) hoặc Quỹ hỗ trợ đầu tư. d) Về thời gian thực hiện: Đề nghị thống nhất quy định là ngày làm việc.	- Về cơ quan giải quyết TTHC, doanh nghiệp ở trong KKT, KCN, KCNC do Ban quản lý KKT, KCN, KCNC quản lý trực tiếp, đối với doanh nghiệp khác thì do Sở Tài chính quản lý. Theo đó, việc phân chia Cơ quan tiếp nhận như trên sẽ theo dõi, nắm bắt sát sao được tình hình hoạt động của doanh nghiệp và việc đánh giá chi phí phù hợp sẽ được triển khai khả thi. - Về thời gian thực hiện, Cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến và hoàn thiện dự thảo Nghị định. 3. Ý kiến khác Cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến và hoàn thiện tại Điều 30, 33, 42 dự thảo Nghị định.
--	--	--

	đ) Về quy trình, trình tự thủ tục giải quyết: Đề nghị bổ sung quy định rõ việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Cổng Một cửa đầu tư quốc gia/ Cổng Dịch vụ công quốc gia. 3. Ý kiến khác: - Tại tên Điều 30 và tên Chương IV dự thảo Nghị định đề nghị sửa thành “<i>Hồ sơ, trình tự và thủ tục hỗ trợ chi phí</i>”; tại tên Điều 33 dự thảo Nghị định đề nghị sửa thành “<i>Điều 33. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí đầu tư ban đầu</i>”. - Về hiệu lực thi hành tại Điều 44 dự thảo Nghị định: Vì đây là dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, do đó, đề nghị bổ sung “<i>Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực</i>”.	
--	--	--

12	Vụ Tài chính – Kinh tế ngành (công văn số 1390/KTN-NV4 ngày 23/4/2026)	1. Về hồ sơ đề xuất xây dựng Nghị định Đề nghị Cục ĐTNN hoàn thiện Hồ sơ đề xuất xây dựng Nghị định: (i) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (iii) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn (nếu có); (iv) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo văn bản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (v) Tài liệu khác (nếu có). 2. Về nội dung dự thảo Tờ trình Đề nghị Cục ĐTNN rà soát, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc tổng kết thi hành Nghị định số 182/2024/NĐ-CP; khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; số doanh nghiệp được hỗ trợ so với mục tiêu đề ra; đóng góp của các doanh nghiệp được hỗ trợ đối với phát triển kinh tế - xã hội, tác động lan tỏa với địa phương,... 3. Về nội dung dự thảo Nghị định - Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định: Việc không áp dụng mức phạt 10% trong trường hợp doanh nghiệp sai phạm liên quan đến hồ sơ đề xuất hỗ trợ sẽ không có tính răn đe, dễ dẫn đến trục lợi Quỹ để có nguồn vốn đầu tư ban đầu đối với các dự án không đúng đối tượng hỗ trợ của Quỹ. Do đó, đề nghị Cục ĐTNN xem xét kỹ nội dung này. - Khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định: đề nghị Quý đơn vị rà soát các nội dung chi của Quỹ đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập. - Khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính	1. Về hồ sơ đề xuất xây dựng Nghị định Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ dự thảo Nghị định. 2. Về nội dung dự thảo Tờ trình Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ dự thảo Nghị định. 3. Về nội dung dự thảo Nghị định - Khoản 3 Điều 4: Cơ quan chủ trì nghiên cứu và hoàn thiện dự thảo Nghị định - Khoản 2 Điều 8: Quỹ chỉ hoạt động theo mô hình tương tự đơn vị sự nghiệp công lập, không phải đơn vị sự nghiệp công lập. - Khoản 2 Điều 36: Cơ quan chủ trì hoàn thiện dự thảo theo hướng kế thừa Nghị định số 182: Quỹ HTĐT là quỹ quốc gia - Về quy định chuyển tiếp: Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định
----	--	---	---

		phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Do đó, đề nghị sửa đổi nội dung trên để phù hợp với quy định về ngân sách nhà nước. - Đề nghị Cục ĐTNN nghiên cứu bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các hồ sơ tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực.	
13	Sở Tài chính Hà Nội (công văn số 5083/STC-QLNS ngày 08/4/2026)	1. Về phương thức hỗ trợ chi phí (Điều 17): Đề nghị sửa Điều 17 dự thảo Nghị định “<i>Quỹ chi trực tiếp bằng tiền để hỗ trợ hạng mục chi phí...</i>” thành “<i>Quỹ chi chuyển khoản để hỗ trợ hạng mục chi phí...</i>”. Việc quy định phương thức hỗ trợ bằng chuyển khoản đảm bảo thuận tiện, an toàn, giảm rủi ro khi vận chuyển và chi tiền mặt. 2. Về hiệu lực thi hành (Điều 44): Đề nghị sửa như sau “<i>Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, áp dụng từ năm tài chính 2025</i>” sửa thành “<i>Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, áp dụng từ năm tài chính 2026</i>”	1. Về phương thức hỗ trợ chi phí Cơ quan chủ trì giải trình như sau: Quỹ chi trực tiếp bằng tiền là hình thức hỗ trợ của Quỹ bằng cách cấp tiền trực tiếp cho đối tượng hưởng hỗ trợ, không có cách hiểu là chi trực tiếp bằng tiền mặt. 2. Về hiệu lực thi hành Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 42 dự thảo Nghị định.

14	Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng (công văn số 2820/STC-ĐKKD&QLDN ngày 01/4/2026)	1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1): đề nghị bổ sung như sau: <i>“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</i> <i>1. Nghị định này quy định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư (sau đây gọi tắt là Quỹ) trực thuộc Bộ Tài chính”.</i> Lý do bổ sung: Cần xác định rõ cơ quan chủ quản của Quỹ vì theo Khoản 2 Điều 8. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ Dự thảo quy định “Quỹ trực thuộc Bộ Tài chính”. 2. Về tổ chức và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ - Đề nghị hiệu chỉnh và làm rõ thêm khoản 2 Điều 11 như sau: <i>“Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng tối đa 100% mức lương hiện hưởng của ngạch công chức. Phụ cấp này không dùng để đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và không dùng (hoặc có) để tính thuế thu nhập cá nhân theo quy định của nhà nước”.</i> - Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 11 nội dung sau: <i>“3. Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:</i> <i>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động 05 năm, hằng năm của Quỹ”</i> 3. Về tổ chức và quyền hạn của Cơ quan điều hành Quỹ: Đề nghị xem xét nội dung này vì theo đối tượng của Quỹ, các doanh nghiệp và dự án đều phải có quy mô vốn tối thiểu hay doanh thu tối thiểu từ vài nghìn đến vài chục nghìn tỷ đồng. Để đánh giá đúng đối tượng, tiêu chí, điều kiện hỗ trợ cần có thêm bộ phận chuyên môn chuyên trách	1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng Cơ quan chủ trì giải trình như sau: Điều 8 dự thảo Nghị định đã quy định rõ cơ quan chủ quản của Quỹ. 2. Về tổ chức và quyền hạn của Hội đồng quản lý Cơ quan chủ trì xây dựng quy định về phụ cấp tại Nghị định này, không có quy định đề tham chiếu. 3. Về tổ chức và quyền hạn của Cơ quan điều hành Quỹ Bộ máy quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm để đảm bảo tinh gọn, phù hợp với các nguyên tắc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước tại Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
----	--	--	--

15	Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ (công văn số 2634/STC - TDDA&PTDN ngày 09/4/2026)	1. Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và nâng cao tính khả thi trong tổ chức thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện một số nội dung sau: - Rà soát, làm rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và tiêu chí xác định đối tượng thụ hưởng chính sách, bảo đảm thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan và thuận lợi trong quá trình triển khai; - Đối với quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư: đề nghị nghiên cứu, bổ sung, làm rõ cơ sở pháp lý, mục tiêu hoạt động, nguồn vốn, cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý và quy trình thành lập, vận hành Quỹ, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; - Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức thành lập và triển khai hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư tại điều khoản thi hành. 2. Về địa vị pháp lý của Quỹ Hỗ trợ đầu tư Đây là một quy định mới, mang tính đột phá tuy nhiên có thể làm tăng tính rủi ro đối với cơ quan, cán bộ thẩm định khi phê duyệt hỗ trợ các doanh nghiệp nhưng trong quá trình triển khai dự án bị thất bại vì nhiều lý do khách quan. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung nguyên tắc miễn trừ trách nhiệm đối với cơ quan, cán bộ thẩm định khi đã thực hiện đúng, đầy đủ quy trình, điều kiện, tiêu chí theo Nghị định và có hướng dẫn cụ thể về đánh giá rủi ro, tiêu chí thẩm định dự án nhằm bảo đảm thống nhất khi triển khai áp dụng. Ngoài ra quy định này chưa làm rõ bản chất pháp lý của Quỹ, có thể dẫn đến khó khăn trong áp dụng cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán cũng như xác định mức độ tự chủ của đơn vị; trên thực tế, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và đơn vị sự nghiệp công lập là hai loại hình cơ chế vận hành khác nhau, nếu không được quy định rõ ràng sẽ phát sinh chồng chéo trong tổ chức thực hiện.	1. Cơ quan chủ trì đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định 2. Về địa vị pháp lý Việc đánh giá, phê duyệt chi phí hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đối với hồ sơ năm tài chính liền trước, không phải hỗ trợ ngay trong năm đề nghị hỗ trợ hay trong quá trình phát sinh chi phí. Theo đó, cơ quan tiếp nhận hồ sơ vẫn có thời gian để đánh giá, thẩm định, không có rủi ro trong việc dự án triển khai bị thất bại. 3. Về trình tự, thủ tục đánh giá - Việc hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp cần căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trung ương, mức đề nghị của các địa phương. Theo đó, Quỹ sẽ cân đối tổng thể các địa phương và thông báo cho địa phương, không thể rút gọn quy trình giao địa phương thẩm định và tự quyết định đối với nguồn hỗ trợ từ NSTW. - Tiêu chí, điều kiện để nhận được hỗ trợ từ Quỹ HTĐT đều rất cao để thu hút vào lĩnh vực công nghệ cao nên doanh nghiệp đáp ứng được đầy đủ tiêu chí, điều kiện đó đều xứng đáng được đối xử ngang hàng. Mục tiêu của chính sách hỗ trợ là tạo môi trường bình đẳng, cạnh tranh, công bằng, do đó việc thiết kế “luồng xanh” là không hợp lý. 4. Về thể thức, kỹ thuật trình bày Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
----	---	---	---

	Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định thống nhất Quỹ hoạt động theo mô hình quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có cơ chế tài chính đặc thù; trường hợp vẫn giữ mô hình đơn vị sự nghiệp công lập thì cần quy định rõ các nội dung ngoại lệ so với cơ chế chung, bảo đảm tính khả thi. 3. Về trình tự, thủ tục đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí Dự thảo Nghị định quy định quy trình tổng hợp, thẩm định và phê duyệt hỗ trợ chi phí qua nhiều cấp (từ cơ quan tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan điều hành Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ đến Bộ Tài chính). Điều này có thể dẫn đến tình trạng kéo dài về thời gian, có thể làm chậm tiến độ giải ngân hỗ trợ cho doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao yêu cầu về dòng vốn nhanh, kịp thời là yếu tố then chốt để nắm bắt cơ hội thị trường và duy trì lợi thế cạnh tranh. Việc chậm trễ trong tiếp cận chính sách hỗ trợ có thể làm giảm hiệu quả của chính sách và cơ hội thu hút và giữ chân nhà đầu tư. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu: (i) Rút gọn quy trình thẩm định, xem xét phân cấp hoặc ủy quyền cho địa phương trong việc quyết định hỗ trợ đối với các trường hợp đủ điều kiện, rõ tiêu chí. (ii) Áp dụng cơ chế “luồng xanh” đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao. 4. Về thể thức, kỹ thuật trình bày - Thời điểm xin ý kiến dự thảo là tháng 4/2026, tuy nhiên các mốc thời gian trong dự thảo đang đề là năm 2024 và 2025. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát chỉnh sửa lại những nội dung trên cho phù hợp trước khi trình Chính phủ ban hành. (Ví dụ: Mẫu biểu đính kèm số 01/HTĐT ghi năm ban hành dự kiến là 2024).	
--	--	--

16	Sở Tài chính Thái Nguyên (công văn số 3090 /STC-ĐKKD ngày 06/4/2026)	1. Về bồi hoàn chi phí hỗ trợ đầu tư: đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau (Điều 4): - Đối với nội dung quy định tại khoản 3: Đề nghị làm rõ, trong trường hợp không áp dụng mức phạt 10% quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 4 thì khoản tiền lãi tính trên số tiền hỗ trợ chi phí đã nhận/tính trên số tiền chênh lệch sẽ xử lý như thế nào, thời điểm phải nộp lại khoản lãi này, sẽ nộp đồng thời khi hoàn lại các khoản tiền trên hay nộp sau, và khi nộp thì sẽ tính khoản lãi này theo điểm a hay điểm b khoản 2 Điều 4. Đề nghị quy định cụ thể nội dung này trong từng trường hợp tại các điểm a, b và c khoản 3. - Đối với nội dung quy định tại khoản 7: Đề nghị quy định mẫu Văn bản đề nghị bồi hoàn và Thông báo chấp thuận bồi hoàn trong trường hợp doanh nghiệp phát hiện phải bồi hoàn. 2. Về tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí và giải quyết thủ tục liên quan đến hỗ trợ chi phí (Điều 6) Đề nghị bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 như sau: c)khoản 2 Điều 30 Nghị định này. Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn đã được thông báo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp về việc dừng giải quyết hồ sơ. 3. Đề nghị sửa đổi bổ sung Điều 19 của Dự thảo, cụ thể: - Đối với nội dung quy định tại khoản 1: Đề nghị bổ sung cụm từ “quy định tại khoản 1 Điều này” vào sau cụm từ “Trường hợp không đáp ứng được tiêu chí về quy mô vốn hoặc doanh thu thì dự án của doanh nghiệp”. - Đối với nội dung quy định tại khoản 6: Đề nghị sửa thành như sau: 6. Dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao thuộc đối tượng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 18 Nghị định này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: (i) Có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 3.000 tỷ đồng; (ii) Phải hoàn thành giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu	1. Về bồi hoàn chi phí hỗ trợ đầu tư - Điều 4 dự thảo Nghị định đã quy định rõ ràng về mức lãi suất, mức phạt, thời gian tính lãi, cách thức nộp tiền bồi hoàn. - Về mẫu văn bản đề nghị bồi hoàn và thông báo chấp thuận bồi hoàn, Cơ quan chủ trì tiếp thu và bổ sung biểu mẫu tại Phụ lục dự thảo Nghị định. 2. Về tiếp nhận hồ sơ đề nghị chi phí và giải quyết thủ tục liên quan đến hỗ trợ chi phí Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại điểm c khoản 1 Điều 6. 3. Về tiêu chí và điều kiện hỗ trợ chi phí - Khoản 1 Điều 19: Nội dung “<i>Trường hợp không đáp ứng được tiêu chí về quy mô vốn hoặc doanh thu thì dự án của doanh nghiệp</i>” chỉ thuộc điểm b khoản 1 nên việc bổ sung cụm từ “<i>quy định tại khoản 1 Điều này</i>” là không phù hợp. - Khoản 6, 7 Điều 19: Cơ quan chủ trì đã hoàn thiện theo hướng không quy định về quy mô vốn, doanh thu hay điều kiện giải ngân của trung tâm R&D. 4. Về hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Cơ quan chủ trì đã hoàn thiện theo hướng quy định theo chi phí đã chi.
----	--	--	--

	tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương. - Đối với nội dung quy định tại khoản 7: Đề nghị sửa thành như sau: 7. Dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Nghị định này không phải đáp ứng điều kiện về quy mô vốn đầu tư và điều kiện giải ngân. 4. Đề nghị sửa đổi bổ sung Điều 20 của Dự thảo, cụ thể: Đề nghị sửa cụm từ “chi phí thực tế phát sinh của dự án và thực tế đã chi cho hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực là người lao động Việt Nam phát sinh trong năm tài chính của dự án” tại điểm a và điểm b khoản 1 thành: chi phí thực tế phát sinh trong năm tài chính của dự án và thực tế đã chi cho hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực là người lao động Việt Nam. 5. Đề nghị sửa Điều 22 của Dự thảo, cụ thể: - Sửa điểm a khoản 1 thành: a) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 18 Nghị định này được hỗ trợ tối đa.... - Sửa điểm b khoản 1 thành: b) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao của doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 được hỗ trợ tối đa 1% giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao trong năm tài chính. - Sửa khoản 2, cụ thể: Sửa cụm từ “tại các điểm a và b khoản 1” thành “tại các điểm a, b và c khoản 1”. 6. Đề nghị sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 23 của Dự thảo, cụ thể: Bổ sung cụm từ “thực tế phát sinh trong năm tài chính và thực tế đã chi” vào sau cụm từ “các khoản chi phí” và trước cụm từ “đầu tư công trình hạ tầng xã hội”. 7. Đề nghị sửa khoản 1 Điều 25 của Dự thảo: bỏ từ “điểm” trước cụm từ “khoản 6, 7 Điều 19 Nghị định này”. 8. Đề nghị sửa đổi bổ sung Điều 28, cụ thể:	
--	---	--

		- Đối với nội dung tại khoản 5: Bổ sung cụm từ “hợp lệ” vào sau cụm từ “Bản sao” tại đoạn đầu khoản 5. Đề nghị bỏ dấu phẩy (,) trước cụm từ “theo quy định của pháp luật về kế toán”. - Đối với nội dung tại khoản 7: Đề nghị bổ sung cụm từ “hợp lệ” vào sau cụm từ “bản sao” và trước cụm từ “văn bản xác nhận của cơ quan bảo hiểm”. 9. Đề nghị sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 30: Đề nghị sửa nội dung tại khoản 2, cụ thể, sửa từ “cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp trong đó nêu rõ lý do yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối kèm theo lý do chi tiết” thành “cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc từ chối kèm theo lý do chi tiết”. 10. Đề nghị sửa đổi bổ sung Điều 34, cụ thể: - Đối với nội dung tại khoản 2: Đề nghị sửa cụm “điều kiện quy định tại Điều 24 Nghị định này” thành “điều kiện quy định tại Điều 25 Nghị định này”. - Đối với nội dung tại khoản 4: Đề nghị bổ sung “cơ quan đăng ký đầu tư nơi doanh nghiệp thực hiện dự án” vào nơi nhận báo cáo về tình hình thực hiện các cam kết được hưởng hỗ trợ. 11. Đối với Mẫu số 01: Đề nghị bổ sung các nội dung giải trình tại mục III cho phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Dự thảo (bổ sung các nội dung quy định tại các điểm đ, e và g Khoản 2 Điều 29).	
--	--	---	--

17	Tập đoàn LG (Công ty LG Electronics Việt Nam Hải Phòng, Công ty LG Innotek Việt Nam Hải Phòng, Công ty LG Display Việt Nam Hải Phòng)	1. Đối tượng hỗ trợ tại dự thảo Nghị định: - Về đối tượng doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao: Điểm a khoản 4 Điều 17 Luật Công nghệ cao năm 2025 tiếp tục ghi nhận nguyên tắc các tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ cao được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời, theo Điều 27 của Luật này, các giấy chứng nhận đã được cấp theo Luật Công nghệ cao 2008 vẫn tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn; bên cạnh đó, các quy định của pháp luật thuế cũng cho phép doanh nghiệp tiếp tục hưởng các ưu đãi đã được xác lập tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung quy định theo hướng cho phép các doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được cấp giấy phép hợp lệ tiếp tục được hưởng hỗ trợ từ Quỹ trong thời hạn còn hiệu lực của giấy chứng nhận. - Về đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao: Cần có quy định và cơ chế rõ ràng đối với các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao 2008 (trước khi phân loại thành doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1 và nhóm 2). 2. Các chi phí được hưởng hỗ trợ và mức hỗ trợ: duy trì như tại Nghị định 182 hỗ trợ đầy đủ đối với 05 loại chi phí. Cụ thể (i) chi đào tạo phát triển nhân lực (tối đa 50%), (ii) chi nghiên cứu và phát triển (lũy tiến 20-30%), (iii) chi phí đầu tư tài sản cố định (lũy tiến 8-10%), (iv) chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao (1%), và (v) chi phí đầu tư công trình hạ tầng xã hội (25%). Đối với nhóm đối tượng mới như doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1, trường hợp cần thiết, đề nghị thiết kế mức hỗ trợ cao hơn mang tính khuyến khích bổ sung. 3. Hiệu lực thi hành: Luật Công nghệ cao có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, do đó việc điều chỉnh đối tượng áp dụng cần được xem xét đồng bộ về thời điểm nhằm đảm bảo tính nhất quán của hệ thống pháp luật. Đồng thời, Nghị định ban hành năm 2026 nhưng	1. Đối tượng hỗ trợ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 43 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao 2008 vào quy định chuyển tiếp. 2. Mức hỗ trợ Sau 1 năm triển khai thực hiện Quỹ Hỗ trợ đầu tư, mức hỗ trợ mà doanh nghiệp đề nghị theo Nghị định 182 hiện hành đều rất cao, vượt xa nguồn lực tài chính của Quỹ. Căn cứ thực tiễn triển khai năm 2025 và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ, Cơ quan chủ trì xây dựng lại mức hỗ trợ để đảm bảo tính khả thi, cân đối khi hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ, phù hợp với mức ưu đãi cho từng đối tượng được quy định tại pháp luật về công nghệ cao. 3. Hiệu lực thi hành Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 42 dự thảo Nghị định.
----	---	---	--

		lại áp dụng cho năm tài chính 2025 có thể làm giảm tính dự báo của chính sách, ảnh hưởng đến niềm tin của nhà đầu tư. Theo đó, đề xuất sửa đổi hiệu lực áp dụng của Nghị định từ năm tài chính 2026.	
18	Công ty TNHH Amkor Technology Việt Nam (văn bản số 01-04/CV/ATV)	1. Tiếp tục duy trì đối tượng được hưởng hỗ trợ đối với các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao theo quy định Luật Công nghệ cao 2008; 2. Quy định hiệu lực áp dụng của Nghị định sửa đổi từ kỳ hỗ trợ năm tài chính 2026, nhằm bảo đảm tính hợp lý, nhất quán và tạo điều kiện để doanh nghiệp có thời gian thích ứng; 3. Duy trì mức hỗ trợ hiện hành đối với các doanh nghiệp đang thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 182, bao gồm cả các doanh nghiệp công nghệ cao và các dự án ứng dụng công nghệ cao đã được cấp Giấy chứng nhận theo Luật Công nghệ cao 2008 trước đây, đối với cả 05 loại chi phí được hỗ trợ; 4. Duy trì hỗ trợ đối với chi phí đầu tư tài sản cố định như Nghị định 182 hiện hành; 5. Duy trì hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao tối đa 3% tính trên giá trị sản xuất gia tăng đối với doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực mạch tích hợp bán dẫn; 6. Duy trì mức hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tối đa 50%.	1. Đối tượng hỗ trợ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 43 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao 2008 vào quy định chuyển tiếp. 2. Mức hỗ trợ - Sau 1 năm triển khai thực hiện Quỹ Hỗ trợ đầu tư, mức hỗ trợ mà doanh nghiệp đề nghị theo Nghị định 182 hiện hành đều rất cao, vượt xa nguồn lực tài chính của Quỹ. Căn cứ thực tiễn triển khai năm 2025 và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ, Cơ quan chủ trì xây dựng lại mức hỗ trợ để đảm bảo tính khả thi, cân đối khi hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ, phù hợp với mức ưu đãi cho từng đối tượng được quy định tại pháp luật về công nghệ cao. - Việc loại chi phí đầu tư tạo tài sản cố định là có cơ sở nhằm tránh hỗ trợ trùng lặp qua chi phí khấu hao và hạn chế các bất cập trong công tác quản lý cam kết sử dụng tài sản. 3. Hiệu lực thi hành Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 42 dự thảo Nghị định.

19	Tập đoàn Samsung (Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam, Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex)	1. Về đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí - Đối tượng doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao: việc bỏ đối tượng “Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao” mà không có điều khoản chuyển tiếp là chưa thuyết phục và tạo ra sự lệch pha rõ rệt giữa các văn bản pháp luật, không đảm bảo tính nhất quán trong chính quy định áp dụng 5 năm của Nghị định 182, không phù hợp với quy định đảm bảo đầu tư kinh doanh khi có thay đổi pháp luật của Luật đầu tư. Bên cạnh đó còn tạo ra sự khác biệt trong đối xử giữa các chủ thể có cùng nền tảng pháp lý và cùng đáp ứng các tiêu chí công nghệ cao, trong khi pháp luật hiện hành vẫn điều chỉnh các nhóm này trong một khuôn khổ thống nhất, tạo ra sự bất ổn định của chính sách chưa đảm bảo nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Điều này không chỉ đặt ra vấn đề về tính nhất quán của hệ thống pháp luật mà còn có thể ảnh hưởng đến niềm tin của nhà đầu tư vào tính ổn định và khả năng dự đoán của chính sách. Theo đó việc tiếp tục hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng này thể hiện tinh thần nhất quán của Chính phủ, đồng thời tạo niềm tin cho nhà đầu tư yên tâm hoạt động và mở rộng đầu tư. - Đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao: Doanh nghiệp công nghệ cao là đối tượng trọng tâm được khuyến khích và hỗ trợ trong chính sách phát triển công nghệ cao, chúng tôi hiểu rằng Nghị định sửa đổi nhằm cập nhật đối tượng phù hợp với Luật CNC 2025. Luật CNC 2025 không bỏ đối tượng doanh nghiệp CNC mà chỉ phân loại Doanh nghiệp CNC thành 2 nhóm. Trong đó nhóm 2 là nhóm được giữ nguyên tiêu chí điều kiện như Doanh nghiệp CNC hiện hành nhằm mục đích ổn định chính sách không làm ảnh hưởng đến đối tượng là Doanh nghiệp CNC hiện hành. Nếu dự thảo không có quy định chuyển tiếp rõ ràng với trường hợp này sẽ dẫn đến cách hiểu rằng những doanh nghiệp công nghệ cao đã được cấp giấy chứng nhận trước đây sẽ không tiếp tục được hưởng ưu đãi. Do đó, Chúng tôi đề xuất phương án sửa đổi như sau:	1. Đối tượng hỗ trợ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 43 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao 2008 vào quy định chuyển tiếp. 2. Về chi phí nghiên cứu và phát triển Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 10 Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung nguyên tắc hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp và chi nhánh hạch toán phụ thuộc phục vụ trực tiếp cho dự án. 3. Mức hỗ trợ Sau 1 năm triển khai thực hiện Quỹ Hỗ trợ đầu tư, mức hỗ trợ mà doanh nghiệp đề nghị theo Nghị định 182 hiện hành đều rất cao, vượt xa nguồn lực tài chính của Quỹ. Căn cứ thực tiễn triển khai năm 2025 và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ, Cơ quan chủ trì xây dựng lại mức hỗ trợ để đảm bảo tính khả thi, cân đối khi hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ, phù hợp với mức ưu đãi cho từng đối tượng được quy định tại pháp luật về công nghệ cao. 4. Hiệu lực thi hành Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 42 dự thảo Nghị định. 5. Về xác định giá trị giá tăng của sản phẩm công nghệ cao Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại
----	--	--	--

	Phương án 1: Bổ sung điều khoản chuyển tiếp vào dự thảo Nghị định <i>“Doanh nghiệp công nghệ cao và Doanh nghiệp có Dự án ứng dụng công nghệ cao đã được giấy chứng nhận theo quy định tại Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 còn thời hạn sau ngày nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ tương ứng với mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này đối với Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2. Trường hợp Doanh nghiệp được Bộ khoa học và Công nghệ xác nhận đáp ứng tiêu chí Doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 1 theo Luật Công nghệ cao hiện hành thì được hỗ trợ đối với doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 1 theo quy định tại Nghị định này.”</i> Phương án 2: Bổ sung đối tượng tại Điều 18 <i>“Điều 18. Hạng mục và đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí</i> 2. Đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí bao gồm: a) Doanh nghiệp công nghệ chiến lược b) Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1; c) Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2; d) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao đã được cấp giấy chứng nhận theo Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12; d) Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao; đ) Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; e) Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.” 3. Việc xác định đối tượng ưu đãi tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Luật Công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Đối với các Doanh nghiệp công nghệ cao đã được cấp giấy chứng nhận theo Luật Công nghệ cao 2008 còn hiệu lực được hỗ trợ như Doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 2 theo quy	khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị định. 6. Về xác định chi phí nghiên cứu phát triển Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 21 dự thảo Nghị định theo hướng chi tiết các hạng mục được quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP và Thông tư số 08/2024/TT-BKHCN. 7. Về hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí Cơ quan chủ trì đã họp với Vụ KHKTCTN để bổ sung quy định về văn bản kiểm tra định kỳ hàng năm cho các đối tượng đề nghị hỗ trợ từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư tại dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật CNC 2025.
--	--	---

	<i>định tại Nghị định này. Trường hợp doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận đáp ứng tiêu chí Doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 1 theo Luật Công nghệ cao hiện hành thì được hỗ trợ đối với doanh nghiệp công nghệ cao Nhóm 1 theo quy định tại Nghị định này.”</i> Đồng thời bổ sung các mức hỗ trợ cho đối tượng Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao bằng với mức hỗ trợ cho đối tượng là Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2. 2. Về hỗ trợ chi phí của Trung tâm R&D Hà nội của Công ty SEV: Trung tâm R&D được thành lập trên cơ sở Bộ phận R&D của SEV tại Bắc Ninh từ năm 2009. Mục đích của việc thành lập bộ phận R&D là thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu công nghệ mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ công ty mẹ; kiểm định và đảm bảo chất lượng sản phẩm và hỗ trợ nghiên cứu, cải tiến, kiểm tra, thử nghiệm và làm cho phù hợp với điều kiện sản xuất ở Việt Nam; tổ chức đào tạo, hướng dẫn sản xuất và giải quyết các vấn đề về công nghệ phát sinh trong quá trình sản xuất. Sự cần thiết phải chuyển dịch Trung tâm R&D tại Hà Nội: Hà Nội là nơi tập trung các tài năng trẻ và có trình độ chuyên môn cao. Việc đặt trung tâm R&D tại Hà Nội giúp Tập đoàn tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao và hợp tác chặt chẽ với các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước nhằm phát huy tối đa năng lực và hiệu quả hoạt động của Trung tâm R&D. Vì vậy, Tập đoàn chủ trương chuyển Trung tâm R&D về trung tâm Hà Nội và xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng với mục đích thu hút và giữ chân được nhiều nhất nguồn nhân lực R&D chất lượng cao tại thủ đô của Việt Nam để tổ chức triển khai các hoạt động R&D mũi nhọn. Trước khi xây dựng tòa nhà văn phòng Trung tâm R&D, Trung tâm đã được thành lập tại văn phòng đi thuê dưới hình thức là Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, thực hiện chức năng nghiên cứu phát triển theo mục tiêu Dự án của khu tổ hợp công nghệ Samsung tại Bắc Ninh và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Dự	
--	--	--

		án khu tổ hợp công nghệ Samsung tại Bắc Ninh, theo đó các chi phí phát sinh tại chi nhánh được hạch toán tập trung tại SEV là chi phí của Dự án đang triển khai tại Bắc Ninh. Về thủ tục cấp phép, đối với hình thức hoạt động này, SEV chỉ cần thực hiện đăng ký thành lập chi nhánh mà không cần thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký dự án đầu tư. Dự án Trung tâm R&D Hà Nội không phải là một dự án đầu tư kinh doanh độc lập. Dự án được đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở kế thừa hoạt động nghiên cứu phát triển đã thực hiện tại Trung tâm nghiên cứu phát triển hiện có của Samsung đồng thời với việc xây dựng Trụ sở văn phòng làm việc của Trung tâm. Việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi SEV đầu tư xây dựng Văn phòng trụ sở chủ yếu để đáp ứng và tuân thủ các quy định liên quan như Luật đầu tư, Luật kinh doanh bất hoạt động sản và Luật xây dựng. Việc đăng ký dự án và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thay đổi bản chất hoạt động của Trung tâm R&D là một chi nhánh phụ thuộc của SEV. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được đã ghi nhận rất rõ ràng về mục tiêu của dự án “<i>Dự án Trung tâm nghiên cứu và phát triển Samsung tại khu đô thị Tây Hồ Tây là chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam, không thực hiện sản xuất kinh doanh, không bán hàng hóa, không phát sinh doanh thu, chỉ thực hiện chức năng là trung tâm nghiên cứu phát triển, thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu công nghệ cao của Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam.</i>” Kính đề nghị Quý Bộ xem xét bổ sung điều khoản làm rõ việc xử lý đối với trường hợp đặc thù này. Chúng tôi xin đề xuất bổ sung khoản 4 vào Điều 21 của Dự thảo Nghị định về Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển với nội dung như sau: <i>“4. Trường hợp doanh nghiệp có chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại địa bàn khác tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</i>	
--	--	--	--

	và thực hiện hoạt động nghiên cứu phát triển phục vụ cho dự án của doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí, điều kiện hỗ trợ chi phí theo quy định tại Điều 18 Nghị định này thì các chi phí của chi nhánh cũng được xem xét hỗ trợ như một phần chi phí của dự án đó cho các hạng mục chi phí quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định này. Quy định tại khoản này bao gồm cả trường hợp chi nhánh được cấp Giấy chứng nhận đầu tư riêng nhưng hoạt động phục vụ cho dự án xin hỗ trợ.” Sửa nội dung Điều 29.1.a. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ như sau: 1. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí: a) Doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí và đáp ứng tiêu chí, điều kiện nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí cho Ban Quản lý Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao (đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao) hoặc Sở Tài chính cấp tỉnh (đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao). Cơ quan tiếp nhận hồ sơ chủ trì đánh giá đề nghị hỗ trợ chi phí của doanh nghiệp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp doanh nghiệp có dự án hoạt động tại địa bàn thuộc hai địa phương trở lên hoặc có dự án là chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại địa phương khác hoạt động phục vụ cho dự án tại trụ sở chính thì nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí cho Cơ quan tiếp nhận tại địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp. 3. Về mức hỗ trợ đối với Doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2: đề xuất giữ nguyên mức hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2 tương tự như doanh nghiệp công nghệ cao tại Nghị định 182 và tăng mức hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1 và doanh nghiệp công nghệ chiến lược. 4. Về hiệu lực thi hành: Việc áp dụng Nghị định thay thế Nghị định 182 từ năm tài chính 2025 là chưa phù hợp với Luật Công nghệ cao 2025. Đề xuất sửa: “<i>Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, áp dụng từ năm tài chính 2026</i>”	
--	--	--

	5. Về xác định giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm: Chúng tôi đồng tình với việc trừ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và chi phí nghiên cứu phát triển ra khỏi ra vốn hàng bán khi xác định giá trị sản xuất gia tăng do một phần các chi phí này đã được hỗ trợ ở hạng mục chi phí đào tạo, chi phí R&D. Tuy nhiên, chỉ nên trừ phần bị trùng. Việc trừ toàn bộ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và chi phí nghiên cứu và phát triển trên sổ sách kế toán khỏi giá vốn sản phẩm CNC, CNCL khi tính giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm CNC, CNCL là không phù hợp với bản chất của giá vốn theo quy định kế toán. Đề xuất sửa như sau: “5. <i>Giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao là giá trị được xác định bằng giá vốn của toàn bộ sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao bán ra (không bao gồm phí bản quyền, phí chuyển giao công nghệ phải trả cho bên nước ngoài) trừ đi: (1) Trị giá nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu từ nước ngoài (không bao gồm trị giá nguyên vật liệu đầu vào do doanh nghiệp chế xuất hoặc tổ chức, doanh nghiệp khác được áp dụng quy định về khu phi thuế quan theo pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu sản xuất và cung cấp); (2) chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phần đã bao gồm trong giá vốn; (3) chi phí nghiên cứu và phát triển phần đã bao gồm trong giá vốn trong năm tài chính xác định theo sổ kế toán và báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>”. 6. Về xác định chi phí nghiên cứu phát triển: Chúng tôi thấy rằng, các khoản chi thường xuyên hàng năm cho hoạt động nghiên cứu phát triển liệt kê nêu trên chưa phản ánh đầy đủ các khoản chi phí thường xuyên cho hoạt động nghiên cứu phát triển mà thực tế doanh nghiệp cần phải chi đồng thời cũng chưa kế thừa quy định về chi phí cho hoạt động R&D tại Quyết định 10/2020/ QĐ-Ttg và Thông tư 04/2020/TT-BKHCN. Đề xuất sửa như sau: Để đảm bảo không bỏ qua những chi phí thực tế phát sinh tại doanh	
--	--	--

		nghiệp phải chi phục vụ hoạt động nghiên cứu phát triển chúng tôi đề xuất 2 phương án như sau: Phương án 1: Giữ nguyên như dự thảo hiện tại, các công ty sẽ tự xác định các chi phí cụ thể phục vụ cho hoạt động nghiên cứu phát triển theo tình hình thực tế tại doanh nghiệp và có xác nhận của Công ty kiểm toán độc lập. Phương án 2: Đề xuất bổ sung một số hạng mục chi phí R&D đã được quy định tại Thông tư 04/2020 và bổ sung thêm các khoản thực tế phát sinh tại doanh nghiệp nhưng chưa được liệt kê tại dự thảo và đặc biệt bao gồm chi phí cho Trung tâm R&D của Samsung: <i>“a) Chi thường xuyên hàng năm cho hoạt động nghiên cứu và phát triển:</i> - Tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, bảo hiểm bắt buộc, kinh phí công đoàn, phụ cấp, các khoản phúc lợi và chi phí phục vụ trực tiếp cho người lao động, khoản chi phí đi lại); - Chi thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu; chi thuê chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật. - Chi thuê cơ sở phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; - Chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; - Chi phí mua sản phẩm mẫu, chi mua phần mềm, tài liệu, dữ liệu, thông tin phục vụ nghiên cứu. - Chi phí vận hành tòa nhà trung tâm nghiên cứu và phát triển. - Các khoản chi thường xuyên khác (chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật tư tiêu hao phục vụ cho nghiên cứu). f) Chi phí khác cho hoạt động nghiên cứu phát triển” 7. Về hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí: Theo chúng tôi được biết Bộ	
--	--	---	--

Khoa học và Công nghệ hiện đang dự thảo nghị định hướng dẫn Luật CNC 2025 trong đó sẽ có quy định về việc xác nhận, kiểm tra định kỳ, có thể là kiểm tra định kỳ hàng năm hoặc 2 năm một lần. Nội dung này chưa chốt, tuy nhiên nếu quy định 2 năm một lần thì hàng năm doanh nghiệp sẽ không có biên bản kiểm tra định kỳ để nộp cùng hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Đề xuất:

Đảm bảo phù hợp với Luật CNC 2025 chúng tôi đề xuất sửa đổi điểm này như sau:

*“ Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 30 Nghị định này, doanh nghiệp chưa có kết quả kiểm tra định kỳ **thì doanh nghiệp nộp bổ sung bổ sung tài liệu cho Cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi có biên bản kiểm tra định kỳ.** ”*

8. Về nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ

Theo Điều 10, Nghị định 320/NĐ-CP Hướng dẫn Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp

“ Điều 10. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

*3. Các khoản chi **được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;** khoản chi đã được chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của doanh nghiệp.”*

Căn cứ vào khoản này cơ quan Thuế hiểu là khoản chi phí được hỗ trợ bởi Quỹ hỗ trợ đầu tư sẽ bị coi là khoản được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác. Do đó, khi nhận được tiền hỗ trợ, có thể doanh nghiệp phải quay lại năm phát sinh chi phí để loại khoản chi phí này ra khỏi chi phí được trừ (sẽ làm lợi nhuận chịu thuế tăng lên) và DN phải nộp thêm thuế TNDN.

Điều này nếu phát sinh sẽ làm mất ý nghĩa của việc quy định khoản thu nhập nhận được từ Quỹ không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN. Vì cuối cùng, thu nhập từ Quỹ không bị tính thuế nhưng chi phí lại bị loại dẫn đến thực tế là nghiệp vẫn phải nộp thêm thuế

		do nhận được khoản hỗ trợ. Khoản chi phí phát sinh từ năm trước, khoản hỗ trợ nhận được sau đó 1 hoặc 2 năm mà theo quy định này doanh nghiệp phải quay lại năm chi phí phát sinh để tính lại thuế để nộp thêm, đồng thời nộp tiền chậm nộp thuế và nộp phạt do kê khai sai. Điều này rất vô lý. Đề xuất: Để đảm bảo lợi ích khi nhận được khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo Quỹ này, tránh phát sinh các ý kiến khác nhau trong quá trình thực hiện sau này chúng tôi đề xuất sửa đổi làm rõ như sau: <i>“ 10. Tiền hỗ trợ từ Quỹ không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp và chi phí được hỗ trợ không coi là chi phí được bù đắp bằng các nguồn kinh phí khác khi xác định khoản chi được trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. ”</i>	
--	--	--	--

20	Nguyễn Văn Hùng (văn bản ngày 01/4/2026)	1. Về quy định tại khoản 1 Điều 35 Dự thảo Nghị định, theo đó nguồn tài chính của Quỹ bao gồm “dự toán chi đầu tư phát triển khác ... tương ứng với toàn bộ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu”, tôi xin có một số ý kiến như sau: Việc thiết kế nguồn tài chính của Quỹ có mối liên hệ trực tiếp với toàn bộ số thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung (top-up tax) theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu có thể dẫn đến cách hiểu rằng tồn tại mối liên hệ giữa nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp và các khoản hỗ trợ tài chính mà doanh nghiệp có thể nhận được từ Quỹ. Do đó, đề xuất điều chỉnh theo hướng: “dự toán chi đầu tư phát triển khác, bao gồm cả nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu”. Cách diễn đạt này thể hiện rõ rằng nguồn thu từ thuế bổ sung chỉ là một trong các nguồn của ngân sách nhà nước được phân bổ cho Quỹ, không hàm ý sự tương ứng hay gắn kết trực tiếp giữa số thu thuế và mức hỗ trợ. Qua đó, góp phần giảm thiểu rủi ro bị coi là cơ chế bù đắp nghĩa vụ thuế, đồng thời bảo đảm tính phù hợp với các nguyên tắc của Trụ cột 2. 2. Bổ sung nguyên tắc bảo đảm tuân thủ NBR trong Dự thảo Nghị định, theo đó cần quy định rõ rằng các khoản hỗ trợ từ Quỹ không được xác định dựa trên, hoặc liên kết trực tiếp hoặc gián tiếp với nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của doanh nghiệp thuộc phạm vi áp dụng Trụ cột 2. 3. OECD đã công bố gói Side by side package ngày 05/01/2026 về cơ chế “substance-based tax incentives safe harbour” và các quy định “safe harbour” liên quan trong khuôn khổ Trụ cột 2, theo đó cho phép xem xét các yếu tố thực chất như chi phí tiền lương và tài sản hữu hình khi đánh giá nghĩa vụ thuế tối thiểu toàn cầu. Việc tham chiếu các yếu tố “substance-based” trong thiết kế chính sách hỗ trợ sẽ góp phần bảo đảm tính phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng	Cơ quan chủ trì giải trình như sau: - Khoản hỗ trợ sẽ bị xem xét là vi phạm Quy tắc mẫu của Trụ cột II khi liên quan đến một số vấn đề sau: (i) ưu đãi, trợ cấp bằng tiền chỉ được cấp cho các doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc mẫu Trụ cột Hai; (ii) khoản hỗ trợ là một phần của việc thực hiện các Quy tắc mẫu Trụ cột Hai; và (iii) hỗ trợ có được sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu Trụ cột Hai. - Nghị định này áp dụng cho các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, không chỉ áp dụng riêng cho các đối tượng bị ảnh hưởng; đồng thời các đối tượng này đều là các đối tượng đang được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, không phát sinh mới hay sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu Trụ cột Hai. Do đó, đối tượng và hạng mục hỗ trợ theo Nghị định này đã được quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch và phù hợp với quy định của OECD.
----	--	---	--

		thời hạn chế rủi ro bị diễn giải là có liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nghĩa vụ thuế bổ sung của doanh nghiệp, qua đó bảo đảm tuân thủ nguyên tắc NBR. 4. Tránh thiết kế cơ chế hỗ trợ mang tính hoàn trả hoặc bù đắp trực tiếp nghĩa vụ thuế, bao gồm các mô hình mà theo đó mức hỗ trợ có tương quan với số thuế bổ sung đã phát sinh, do các cơ chế này có thể bị coi là làm vô hiệu hóa mục tiêu của Trụ cột 2 và dẫn đến việc cơ chế thuế bổ sung nội địa không được công nhận.	
--	--	--	--

21	Công ty cổ phần tư vấn EY Việt Nam (văn bản số 010426 ngày 01/4/2026)	1. Thời điểm áp dụng của Nghị định chưa phù hợp với thời điểm có hiệu lực của Luật Công nghệ cao 2025: đề xuất xem xét áp dụng Nghị định sửa đổi từ năm tài chính 2026 để đảm bảo tính tương thích với thời điểm có hiệu lực của Luật Công nghệ cao 2025 và có đủ thời gian đánh giá đầy đủ cơ chế hỗ trợ hiện hành trước khi điều chỉnh. 2. Hiện chưa có cơ sở để đề xuất điều chỉnh đối với các hạng mục chi phí được hỗ trợ và mức hỗ trợ: Đề xuất tiếp tục giữ nguyên các hạng mục chi phí và mức hỗ trợ theo Nghị định 182 để đảm bảo tính ổn định và có thêm thời gian đánh giá thực tiễn. 3. Nên bảo đảm tính đồng bộ và kế thừa đối với đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ: đề xuất bổ sung quy định chuyển tiếp tương tự như quy định tại Luật CNC 2025, theo đó doanh nghiệp công nghệ cao và dự án ứng dụng công nghệ cao đã được cấp giấy chứng nhận trước thời điểm hiệu lực của nghị định này vẫn sẽ tiếp tục có hiệu lực áp dụng và xem xét áp dụng mức hỗ trợ bằng với doanh nghiệp CNC nhóm 2. 4. Về vấn đề khấu trừ chi phí hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định tại Nghị định 320 hướng dẫn Luật Thuế TNDN, khoản 3 Điều này quy định: các khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác không được tính vào chi phí được trừ. Đã xuất hiện quan điểm cho rằng các khoản chi xin hỗ trợ từ Quỹ có thể bị coi là “được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác” và do đó không được tính vào chi phí hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế. Với quy định đó, có thể hiểu rằng khoản hỗ trợ từ Quỹ phải có bản chất trung lập, không gây ra ảnh hưởng nào về nghĩa vụ thuế thu nhập của doanh nghiệp. Đề xuất để tránh cách hiểu và áp dụng sai, cần bổ sung làm rõ nguyên tắc áp dụng như sau: - Phương án 1 – bổ sung khoản 11 Điều 3: <i>“Khoản chi được hỗ trợ từ Quỹ không bị coi là khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác khi xác định các khoản chi được trừ khi tính thu nhập chịu</i>	1. Hiệu lực thi hành Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 42 dự thảo Nghị định. 2. Mức hỗ trợ Sau 1 năm triển khai thực hiện Quỹ Hỗ trợ đầu tư, mức hỗ trợ mà doanh nghiệp đề nghị theo Nghị định 182 hiện hành đều rất cao, vượt xa nguồn lực tài chính của Quỹ. Căn cứ thực tiễn triển khai năm 2025 và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ, Cơ quan chủ trì xây dựng lại mức hỗ trợ để đảm bảo tính khả thi, cân đối khi hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ, phù hợp với mức ưu đãi cho từng đối tượng được quy định tại pháp luật về công nghệ cao. 3. Đối tượng hỗ trợ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 43 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao 2008 vào quy định chuyển tiếp.
----	---	--	--

		<i>thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”</i> - Phương án 2 – sửa đổi khoản 10 Điều 3: <i>“Tiền hỗ trợ từ Quỹ không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc hỗ trợ từ Quỹ không ảnh hưởng đến việc xác định các khoản chi được trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp”</i>	
--	--	--	--

22	Công ty TNHH KPMG (công văn ngày 06/4/2026)	1. Về cách thức lập báo cáo chi phí được hỗ trợ: Dự thảo Nghị định hiện đang sử dụng đồng thời các thuật ngữ “chi phí”, “chi phí thực tế phát sinh” (Điều 20, điểm 1 Điều 21,...) và “chi thường xuyên”, “chi phí trả cho”, “thực tế đã chi”, “chi thuê”, “chi mua” (Điều 20, điểm 3 Điều 21,...). Theo nguyên tắc kế toán, chi phí được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích, không phụ thuộc dòng tiền thực chi của doanh nghiệp. Chúng tôi đề nghị ban soạn thảo thống nhất và làm rõ nguyên tắc xác định “chi phí được hỗ trợ” (theo cơ sở dồn tích/ghi nhận khi phát sinh theo nguyên tắc kế toán hoặc theo cơ sở thực chi), đồng thời sử dụng thuật ngữ nhất quán nhằm hạn chế phát sinh cách hiểu và cách áp dụng khác nhau. 2. Về khái niệm và cách thức tổng hợp, phân loại các khoản chi phí được hỗ trợ: - Lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, phụ cấp, các khoản chi phí đi lại): đề xuất làm rõ căn cứ xác định và phạm vi bao gồm (không bao gồm) các khoản bảo hiểm bắt buộc. - Cán bộ quản lý: thuật ngữ “cán bộ quản lý” có thể hiểu khác nhau giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Luật doanh nghiệp năm 2020 sử dụng khái niệm “người quản lý doanh nghiệp”, bao gồm các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty. Luật Lao động không sử dụng khái niệm “cán bộ quản lý”. Đề xuất bổ sung quy định dẫn chiếu/định nghĩa thống nhất hoặc quy định rõ nguyên tắc để doanh nghiệp xác định theo mô hình quản trị. - Kỹ sư chất lượng cao: Đề xuất bổ sung quy định dẫn chiếu/định nghĩa thống nhất hoặc hướng dẫn để doanh nghiệp có cơ sở xác định và áp dụng thống nhất. - Chi phí R&D: đề xuất làm rõ căn cứ pháp lý/chuẩn mực áp dụng hoặc ban hành hướng dẫn thống nhất để doanh nghiệp thực hiện. - Các thuật ngữ khác (ví dụ “người lao động Việt Nam”. “chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực”, “nhà ở xã hội”...: Chúng tôi đề nghị rà soát, chuẩn hóa cách diễn đạt nhằm bảo đảm áp dụng	1. Về cách thức lập báo cáo chi phí được hỗ trợ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại các điều có liên quan tại dự thảo Nghị định, trong đó tại khoản 10 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc theo hướng chi phí phát sinh và thực tế đã chi. 2. Về khái niệm và cách thức tổng hợp, phân loại các khoản chi phí được hỗ trợ Cơ quan chủ trì tiếp thu để rà soát và hoàn thiện dự thảo Nghị định. 3. Về giá trị sản xuất giá trị gia tăng của sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao Nguyên vật liệu đầu vào “nhập khẩu từ nước ngoài” được hiểu là nhập khẩu từ nhà cung cấp nước ngoài. Trường hợp mua nguyên vật liệu đầu vào từ nhà cung cấp trong nước thì việc xác định theo xuất xứ hàng hóa là không khả thi và chưa có cơ sở pháp lý để xác định. 4. Các yêu cầu về hệ thống quản trị nội bộ và sổ sách kế toán Cơ quan chủ trì đã quy định nguyên tắc đối với doanh nghiệp có dự án đáp ứng tiêu chí, điều kiện thì phải hạch toán riêng.
----	---	--	--

		thống nhất. 3. Về giá trị sản xuất giá trị gia tăng của sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao: đề nghị làm rõ phương pháp xác định nguyên vật liệu đầu vào “nhập khẩu từ nước ngoài” trong trường hợp doanh nghiệp mua từ nhà cung cấp trong nước nhưng nhà cung cấp này nhập khẩu lại (ví dụ: xác định theo xuất xứ hàng hóa hay theo đối tượng nhà cung cấp nước ngoài). 4. Các yêu cầu về hệ thống quản trị nội bộ và sổ sách kế toán: Bên cạnh yêu cầu về lưu giữ hóa đơn, chứng từ và nộp các báo cáo theo quy định (bao gồm BCTC và báo cáo chi phí được hỗ trợ đã được kiểm toán), đề nghị bổ sung/nhấn mạnh yêu cầu về hệ thống quản trị nội bộ, sổ sách kế toán và nguyên tắc phân bổ chi phí phù hợp (đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhiều mảng hoạt động/dự án) nhằm phục vụ công tác đánh giá, kiểm tra.	
--	--	--	--

23	Công ty TNHH Intel Products Việt Nam (công văn ngày 09/4/2026)	1. Đối tượng được hỗ trợ: Nghị định 182 có quy định tiêu chí và mức hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp sản xuất bán dẫn. Tuy nhiên dự thảo Nghị định mới không còn quy định này, mà thay vào đó là doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1, nhóm 2 với các mức hỗ trợ khác nhau. Đề nghị Bộ Tài chính có quy định riêng dành cho doanh nghiệp sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm bán dẫn thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi, tương tự như Nghị định 182 và quy định mức hỗ trợ cho doanh nghiệp bán dẫn tương đương mức hỗ trợ cho doanh nghiệp công nghệ chiến lược. 2. Chi phí được hỗ trợ và mức hỗ trợ - Mức hỗ trợ dành cho doanh nghiệp sản xuất, đóng gói, kiểm thử bán dẫn: đề xuất mức hỗ trợ tương đương mức hỗ trợ dành cho doanh nghiệp công nghệ chiến lược tại dự thảo. - Chi phí đào tạo và lương nhân viên Việt Nam: đề nghị giữ lại khoản hỗ trợ này, đồng thời điều chỉnh mức hỗ trợ từ mức 10% đến 20% chi phí đào tạo và lương của đội ngũ kỹ sư và cán bộ quản lý có trình độ đại học trở lên, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư có chiều sâu vào nguồn nhân lực Việt Nam. - Chi phí đầu tư tạo tài sản cố định: đề nghị tiếp tục áp dụng chính sách hỗ trợ đối với chi phí đầu tư tạo tài sản cố định với mức hỗ trợ 3% đến 5% và yêu cầu cam kết các tài sản cố định được hưởng hỗ trợ sẽ được sử dụng cho hoạt động sản xuất, ứng dụng và kinh doanh công nghệ cao của doanh nghiệp trong thời gian tối thiểu 01 năm liên tục kể từ năm đưa tài sản vào sử dụng. 3. Thời gian hiệu lực của Nghị định: Luật Công nghệ cao 2025 và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực từ 01/7/2026. Sau thời hạn này, các doanh nghiệp mới có thể đăng ký được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ chiến lược, doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 1, doanh nghiệp công nghệ cao nhóm 2...	1. Đối tượng hỗ trợ Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại khoản 3 Điều 43 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao 2008 vào quy định chuyển tiếp. 2. Mức hỗ trợ - Sau 1 năm triển khai thực hiện Quỹ Hỗ trợ đầu tư, mức hỗ trợ mà doanh nghiệp đề nghị theo Nghị định 182 hiện hành đều rất cao, vượt xa nguồn lực tài chính của Quỹ. Căn cứ thực tiễn triển khai năm 2025 và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ, Cơ quan chủ trì xây dựng lại mức hỗ trợ để đảm bảo tính khả thi, cân đối khi hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ, phù hợp với mức ưu đãi cho từng đối tượng được quy định tại pháp luật về công nghệ cao. - Việc loại chi phí đầu tư tạo tài sản cố định là có cơ sở nhằm tránh hỗ trợ trùng lặp qua chi phí khấu hao và hạn chế các bất cập trong công tác quản lý cam kết sử dụng tài sản. 3. Hiệu lực thi hành Cơ quan chủ trì tiếp thu và hoàn thiện tại Điều 42 dự thảo Nghị định.
----	--	---	--

